

Bản tin

CHUYÊN ĐỀ CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

NGÀNH NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

www.mae.gov.vn

Bộ Nông nghiệp và Môi trường



QUẢN LÝ VÀ PHÁT TRIỂN CHỈ DẪN ĐỊA LÝ CHO SẢN PHẨM CÀ PHÊ VÀ MỘT SỐ CÂY ĂN QUẢ ĐẶC SẢN



Số 04 - 2026

**BẢN TIN CHUYÊN ĐỀ CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU
KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ NGÀNH NÔNG NGHIỆP VÀ
MÔI TRƯỜNG SỐ 04 - 2026**

**QUẢN LÝ VÀ PHÁT TRIỂN CHỈ DẪN ĐỊA LÝ CHO
SẢN PHẨM CÀ PHÊ VÀ MỘT SỐ CÂY ĂN QUẢ ĐẶC SẢN**

Lời nói đầu	1
Nghiên cứu xây dựng cơ sở dữ liệu phục vụ quản lý và phát triển sản xuất cà phê bền vững vùng chỉ dẫn địa lý tỉnh Đắk Lắk	3
Quản lý, khai thác và phát triển chỉ dẫn địa lý (CDĐL) cho sản phẩm cà phê Đắk Hà của tỉnh Kon Tum	10
Đăng ký bảo hộ, quản lý và phát triển chỉ dẫn địa lý cho sản phẩm cà phê Khe Sanh	15
Quản lý và phát triển chỉ dẫn địa lý cho một số sản phẩm trái cây đặc sản (xoài Cao Lãnh, nhãn lồng Hưng Yên)	22
Lời kết	31

Tổ chức thực hiện:

Trung tâm Thông tin, Lưu trữ và Thư viện
Cục Chuyển đổi số - Bộ Nông nghiệp và Môi trường

Ý kiến đóng góp xin gửi về địa chỉ:

Trung tâm Thông tin, Lưu trữ và Thư viện
28 Phạm Văn Đồng, phường Nghĩa Đô, TP. Hà Nội
Email: banbientap-xttm@mae.gov.vn





LỜI NÓI ĐẦU

Nông nghiệp có vị trí quan trọng trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam. Phát triển chỉ dẫn địa lý nằm trong Chiến lược phát triển nông nghiệp và nông thôn bền vững giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và các văn bản chỉ đạo điều hành như: Quyết định số 1068/QĐ-TTg ngày 22/08/2019 về Chiến lược sở hữu trí tuệ đến năm 2030; Quyết định số 2205/QĐ-TTg ngày 24/12/2020 về Chương trình phát triển tài sản trí tuệ đến năm 2030.

Trong quá trình hội nhập, các sản phẩm nông nghiệp của Việt Nam phải chịu sự cạnh tranh trên thị trường xuất khẩu và ngay cả ở thị trường trong nước. Trước tình hình đó, các sản phẩm nông nghiệp cần được chứng nhận về nguồn gốc xuất xứ, về chất lượng, về đặc tính sản xuất và các tiêu chuẩn khác. Xu hướng đăng ký nhãn hiệu cộng đồng (nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu chứng nhận, chỉ dẫn địa lý) đặc biệt là chỉ dẫn địa lý là một trong những giải pháp để nâng cao giá trị, gia tăng năng lực cạnh

tranh cho nông sản Việt Nam, là công cụ tiếp cận thị trường và là cơ sở pháp lý để giải quyết các tranh chấp thương mại.

Chỉ dẫn địa lý là chỉ dẫn thông tin về nguồn gốc của hàng hóa từ một quốc gia, vùng lãnh thổ hoặc địa phương mà hàng hóa được sản xuất ra. Chỉ dẫn địa lý một mặt nâng cao lợi ích thương mại và kinh tế, bổ sung thêm các giá trị địa phương (vùng miền) về môi trường, văn hóa và truyền thống cho sản phẩm. Mặt khác, sản phẩm mang chỉ dẫn địa lý hàm chứa đặc trưng của một thương hiệu, tác động lớn đến chuỗi cung ứng sản phẩm, dịch vụ trong một khu vực, từ đó thúc đẩy doanh nghiệp phát triển, nâng cao tính hội nhập kinh tế.

Về bản chất, các sản phẩm mang chỉ dẫn địa lý có đặc tính của một nguồn tài nguyên chung, được xây dựng dựa trên điều kiện địa lý, bao gồm hai yếu tố: tài nguyên thiên nhiên (cụ thể là yếu tố tự nhiên như khí hậu, thủy văn, địa chất, thổ nhưỡng, địa hình, hệ sinh thái và các điều

kiện tự nhiên khác được quy định tại Luật Sở hữu trí tuệ) và tập quán sản xuất (yếu tố con người). Do đó, chỉ dẫn địa lý là tài sản trí tuệ chung của cộng đồng những người sản xuất sản phẩm gắn với khu vực địa lý tương ứng bởi nó mang đặc tính riêng gắn với khu vực địa lý và là sự kết tinh của truyền thống, tập quán. Vì vậy, toàn bộ các hoạt động xây dựng, quản lý và phát triển cần được thực hiện dựa trên nền tảng quản lý tài sản của cộng đồng.

Trong bối cảnh toàn cầu hóa hiện nay, những lợi thế của chỉ dẫn địa lý đang được nhiều quốc gia quan tâm và đầu tư. Sản phẩm mang chỉ dẫn địa lý không chỉ chứa đựng những thuộc tính về vật chất mà còn bao gồm cả yếu tố văn hóa để trở thành sản phẩm khác biệt, mang tính đặc trưng vùng miền, thậm chí là quốc gia. Do đó,

bên cạnh bảo hộ, việc quản lý và khai thác hiệu quả chỉ dẫn địa lý gắn sản phẩm có tính đặc thù là yêu cầu cấp thiết.

Nhận thức được điều đó, những năm gần đây, Việt Nam đã tập trung vào chiến lược phát triển chỉ dẫn địa lý và các nhãn hiệu cộng đồng cho các sản phẩm đặc sản địa phương trong đó có cà phê Đắk Lắk, cà phê Đắk Hà (Kon Tum), cà phê Khe Sanh (Quảng Trị) và hai loại trái cây đặc sản là xoài Cao Lãnh (Đồng Tháp) và nhãn lồng Hưng Yên dưới hình thức là một giải pháp nhằm xây dựng thương hiệu cho sản phẩm nông sản, nâng cao giá trị và hiệu quả của sản xuất nông nghiệp. Việc bảo hộ chỉ dẫn địa lý chỉ có ý nghĩa thực tiễn khi chỉ dẫn địa lý được quản lý, kiểm soát một cách chặt chẽ và được khai thác, phát triển một cách có hệ thống, có hiệu quả.



NGHIÊN CỨU XÂY DỰNG CƠ SỞ DỮ LIỆU PHỤC VỤ QUẢN LÝ VÀ PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT CÀ PHÊ BỀN VỮNG VÙNG CHỈ DẪN ĐỊA LÝ TỈNH ĐẮK LẮK



Với lợi thế về đất đai, khí hậu và bề dày lịch sử, các sản phẩm mang thương hiệu, chỉ dẫn địa lý cà phê của tỉnh Đắk Lắk ngày càng khẳng định được vị trí trên thị trường, góp phần đưa Việt Nam trở thành nước xuất khẩu cà phê Robusta lớn nhất thế giới. Tuy nhiên phát triển cà phê vùng chỉ dẫn địa lý tỉnh Đắk Lắk hiện nay đang đứng trước những thách thức to lớn trong quá trình hội nhập kinh tế thế giới. Để nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả cà phê cần phải ứng dụng công nghệ thông minh trong công tác quản lý cũng như trong sản xuất.

Để theo kịp sự phát triển công nghệ thông tin hiện nay, đòi hỏi xây dựng hệ thống thông tin phải gắn với hệ thống chia sẻ dữ liệu đa người dùng dù tập trung hay phân tán trên nhiều thiết bị tiên tiến (máy tính bàn, thiết bị cầm tay) đang là yêu cầu

khoa học cấp thiết; cần tập trung nghiên cứu đề xuất phương pháp xây dựng tối ưu. Hiện nay hệ thống chia sẻ cơ sở dữ liệu ứng dụng Web đã giúp những người không thành thạo cũng có thể tiếp cận thông tin, cập nhật và truy xuất thông tin tiện lợi. Việc điều tra hoàn thiện dữ liệu và xác lập phương pháp luận về xây dựng và khai thác hệ thống thông tin phục vụ công tác quản lý và phát triển sản xuất cà phê bền vững nhằm nâng cao năng suất, chất lượng cà phê vùng chỉ dẫn địa lý để quảng bá thương hiệu cà phê trong nước và quốc tế, thực hiện đúng chiến lược phát triển nông nghiệp của tỉnh và từng bước hướng tới nền nông nghiệp thông minh 4.0. Chính vì những lý do trên, việc tiến hành thực hiện nhiệm vụ: “Nghiên cứu xây dựng bộ cơ sở dữ liệu phục vụ quản lý và sản xuất cà phê bền vững vùng chỉ dẫn địa lý tỉnh Đắk Lắk” là rất cần thiết và cấp bách đối với tái cơ cấu ngành nông nghiệp nói riêng và sự phát triển kinh tế - xã hội nói chung của tỉnh Đắk Lắk.

1. Nghiên cứu cấu trúc và các bước xây dựng bộ cơ sở dữ liệu (CSDL) phục vụ quản lý và phát triển sản xuất cà phê bền vững vùng chỉ dẫn địa lý tỉnh Đắk Lắk

Cấu trúc của CSDL phục vụ quản lý và phát triển sản xuất cà phê bền vững vùng chỉ dẫn địa lý tỉnh Đắk Lắk gồm 2 kiểu dữ liệu: CSDL bản đồ và CSDL bảng biểu, tài liệu, báo cáo. Các nhóm dữ liệu chính

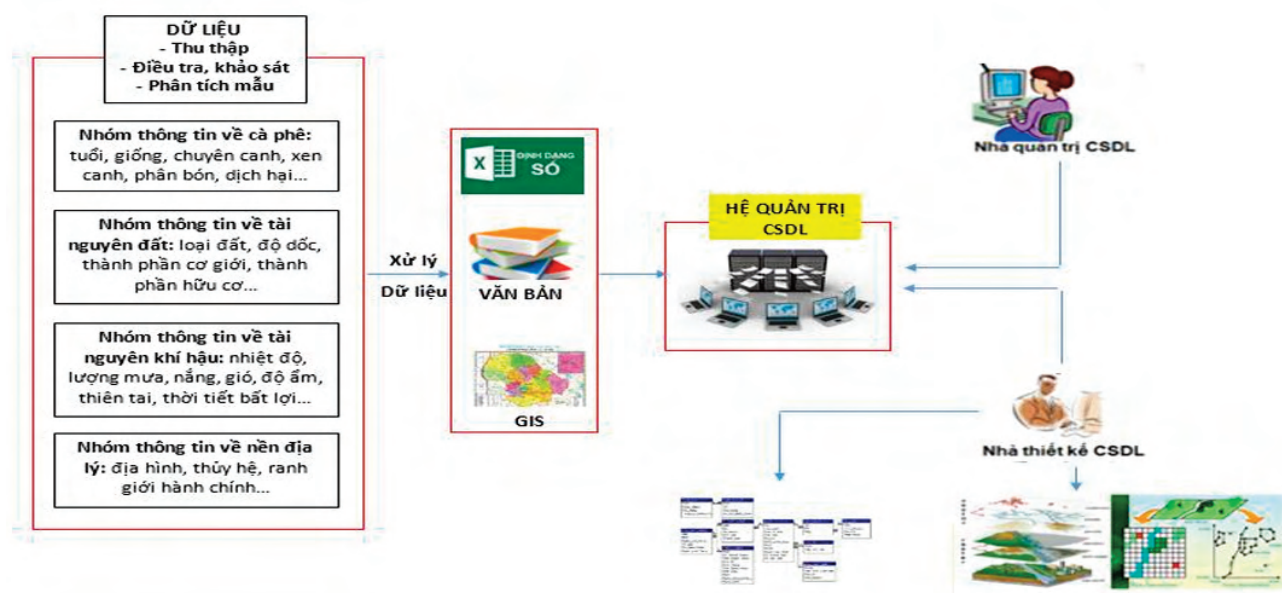
trong bản tin này gồm: Dữ liệu bản đồ về hiện trạng cà phê; Số liệu về hiện trạng sản xuất cà phê; Dữ liệu thời tiết và cảnh báo hạn; Dữ liệu dự báo giá; Dữ liệu về mô hình sản xuất cà phê liên kết với Checkvn; Dữ liệu khác như danh mục đơn vị hành chính; danh sách các báo cáo, tài liệu của đề tài.

2. Các bước xây dựng cơ sở dữ liệu

Quy trình chuẩn hóa, xây dựng cơ sở dữ liệu bao gồm các bước sau:

- Bước 1: Xác định mục tiêu.
- Bước 2: Rà soát, phân loại, đánh giá dữ liệu.

- Bước 3: Thu thập tài liệu, dữ liệu.
- Bước 4: Thiết kế mô hình cơ sở dữ liệu.
- Bước 5: Xây dựng dữ liệu không gian.
- Bước 6: Xây dựng dữ liệu thuộc tính.
- Bước 7: Đối soát dữ liệu, thống kê, kiểm kê.
- Bước 8: Xây dựng siêu dữ liệu.
- Bước 9: Chuẩn bị tài liệu phục vụ giám sát, kiểm tra, nghiệm thu, bàn giao CSDL.
- Bước 10: Đóng gói giao nộp CSDL.
- Bước 11: Tích hợp dữ liệu, chia sẻ dữ liệu trên trang WebGIS.



Hình 1. Sơ đồ cấu trúc bộ cơ sở dữ liệu phục vụ quản lý và phát triển sản xuất cà phê bền vững vùng chỉ dẫn địa lý cà phê tỉnh Đắk Lắk

3. Nghiên cứu xây dựng dữ liệu không gian và thuộc tính vùng sản xuất cà phê chỉ dẫn địa lý tỉnh Đắk Lắk

3.1. Nghiên cứu xây dựng dữ liệu thuộc tính và không gian về hiện trạng sản xuất cà phê vùng chỉ dẫn địa lý cà phê tỉnh Đắk Lắk

Kết quả điều tra về hiện trạng diện tích cà phê xen canh, chuyên canh, tưới nước mặt, nước ngầm, cà phê phát triển bền

vững, cà phê tái canh... tại 77 xã, 10 huyện, thị, thành phố vùng chỉ dẫn địa lý cà phê Đắk Lắk như sau:

- Diện tích cà phê xen canh, chuyên canh: Niên vụ 2022 - 2023, diện tích cà phê xen canh vùng chỉ dẫn địa lý cà phê toàn tỉnh là 27.590,2 ha (chiếm 19,6% diện tích cà phê vùng chỉ dẫn địa lý toàn tỉnh); diện tích cà phê chuyên canh vùng chỉ dẫn địa lý cà phê toàn tỉnh là 113.283,9 ha

(chiếm 80,4%).

- Diện tích cà phê tưới nước mặt, nước ngầm: Diện tích cà phê vùng chỉ dẫn địa lý toàn tỉnh được tưới nước mặt là 16.011,5 ha (chiếm 11,4% diện tích cà phê vùng chỉ dẫn địa lý toàn tỉnh); diện tích cà phê được tưới nước ngầm là 124.831,7 ha (chiếm 88,6%).

- Diện tích cà phê phát triển bền vững: Trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk hiện có các loại hình cà phê chứng nhận phổ biến như: 4C (bộ nguyên tắc chung cho cộng đồng cà phê), UTZ ((tiếng Maya Quiché nghĩa là “tốt”) Certified, RFA (Rainforest Alliance - liên minh rừng nhiệt đới) và Fairtrade (thương mại công bằng). Diện tích cà phê phát triển bền vững toàn vùng chỉ dẫn địa lý là 21.87,9 ha.

- Diện tích cà phê tái canh: Diện tích cà phê tái canh vùng chỉ dẫn địa lý cà phê tỉnh Đắk Lắk niên vụ 2022 - 2023 là 3.260,15 ha.

Hiện trạng sản xuất cà phê xen canh, chuyên canh, tưới nước mặt, nước ngầm, cà phê phát triển bền vững, cà phê tái canh vùng chỉ dẫn địa lý cà phê tỉnh Đắk Lắk được thể hiện qua dữ liệu không gian trên địa bàn 77 xã (thể hiện vị trí trên bản đồ cấp xã tỷ lệ 1/10.000), 10 huyện thị, thành phố (thể hiện vị trí trên bản đồ cấp huyện, thị, thành phố tỷ lệ bản đồ 1/25.000) và toàn vùng chỉ dẫn địa lý tỉnh Đắk Lắk (thể hiện vị trí trên bản đồ cấp vùng tỷ lệ bản đồ 1/50.000).

3.2. Nghiên cứu xây dựng dữ liệu thuộc tính và không gian về hiện trạng tuổi và giống cà phê vùng chỉ dẫn địa lý cà phê tỉnh Đắk Lắk

Kết quả điều tra tại 77 xã, 10 huyện, thị, thành phố trên địa bàn vùng cà phê chỉ dẫn địa lý tỉnh Đắk Lắk như sau:

- Nhóm 0 - 4 tuổi: Diện tích cà phê thời kỳ kiến thiết cơ bản toàn vùng chỉ dẫn địa lý niên vụ 2022 - 2023 là 9.072 ha.

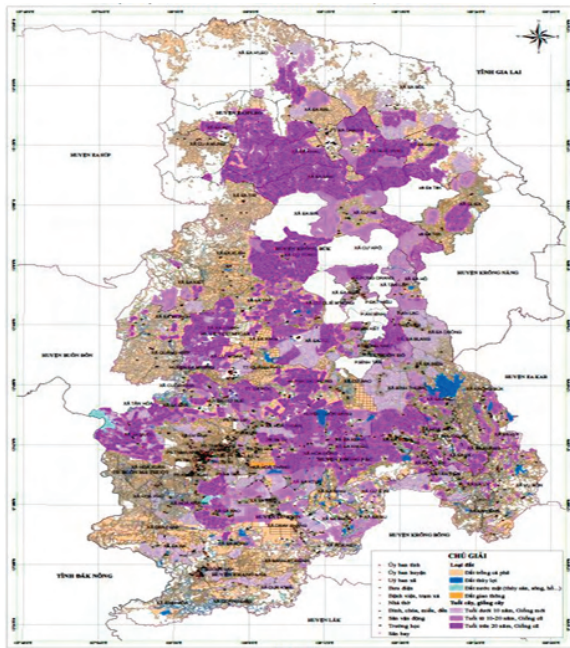
- Nhóm 4 - 10 tuổi: Diện tích cà phê thời kỳ đầu kinh doanh toàn vùng chỉ dẫn địa lý là 19.115 ha.

- Nhóm 10 - 25 tuổi: Diện tích cà phê thời kỳ kinh doanh ổn định nhất của cây cà phê có diện tích là 37.743 ha (chiếm 26,7% diện tích cà phê toàn vùng chỉ dẫn địa lý).

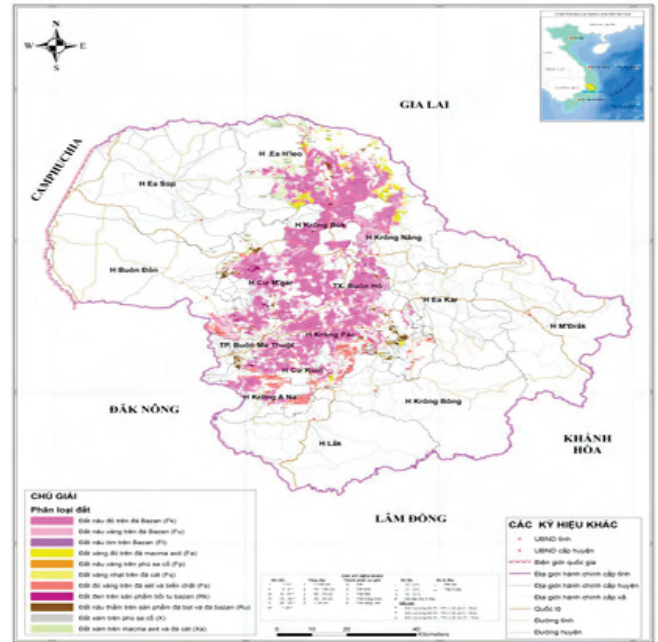
- Nhóm > 25 tuổi: Diện tích nhóm cà phê thời kỳ già cỗi cần phải tái canh là 74.952 ha (chiếm 53,0% diện tích cà phê toàn vùng chỉ dẫn địa lý).

Diện tích giống cà phê cũ (> 20 năm tuổi) niên vụ năm 2022 - 2023 là 94.188,8 ha (chiếm 66,9% diện tích cà phê vùng chỉ dẫn địa lý). Để nâng cao giá trị cà phê, trong những năm qua các cơ quan khoa học đã tập trung nghiên cứu tạo ra những giống cà phê mới như các dòng cà phê vô tính, cao sản: TR4, TR5, TR6, TR7, TR8 và các dòng TR9, TR11, TR12, TR13; các giống lai TN1, TN2, TN3, TN10 có khả năng kháng cao với bệnh gỉ sắt, chín tập trung, thuận lợi cho thu hái, chế biến và thích ứng tốt với điều kiện của tỉnh. Diện tích cà phê giống mới vùng chỉ dẫn địa lý là 46.694,8 ha (chiếm 33,1% diện tích cà phê vùng chỉ dẫn địa lý).

Hiện trạng tuổi và giống cà phê vùng chỉ dẫn địa lý cà phê tỉnh Đắk Lắk được thể hiện qua dữ liệu không gian trên địa bàn 77 xã (thể hiện vị trí trên bản đồ cấp xã tỷ lệ 1/10.000), 10 huyện thị, thành phố (thể hiện vị trí trên bản đồ cấp huyện, thị, thành phố tỷ lệ 1/25.000) và toàn vùng chỉ dẫn địa lý tỉnh Đắk Lắk (thể hiện vị trí trên bản đồ cấp vùng tỷ lệ 1/50.000).



Hình 2. Bản đồ hiện trạng tuổi và giống cà phê vùng chỉ dẫn địa lý tỉnh Đắk Lắk



Hình 3. Bản đồ thổ nhưỡng đất trồng cà phê vùng chỉ dẫn địa lý tỉnh Đắk Lắk

3.3. Nghiên cứu xây dựng dữ liệu thuộc tính và không gian về đất trồng cà phê vùng chỉ dẫn địa lý cà phê tỉnh Đắk Lắk

Trên cơ sở phân loại, đánh giá các chỉ

tiêu lý hoá học các phẫu diện đất, đã chia đất trồng cây cà phê vùng chỉ dẫn địa lý cà phê của tỉnh Đắk Lắk thành 3 nhóm đất chính, 11 loại đất được trình bày qua kết quả bảng sau:

Bảng 1. Phân loại đất trồng cà phê vùng chỉ dẫn địa lý cà phê của tỉnh Đắk Lắk

TT	Tên đất	Ký hiệu	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
	Tổng diện tích đất		140.874	100,00
I	Nhóm đất xám và bạc màu	X;Xa	6.308	4,48
1	Đất xám trên phù sa cổ	X	1.963	1,39
2	Đất xám trên macma axit và đá cát	Xa	4.345	3,08
II	Nhóm đất đen	R	5.145	3,65
3	Đất đen trên sản phẩm bồi tụ bazan	Rk	1.318	0,94
4	Đất nâu thẫm trên sản phẩm đá bọt và đá bazan	Ru	3.827	2,72
III	Nhóm đất đỏ vàng	F	129.420	91,87
5	Đất nâu đỏ trên đá Bazan	Fk	110.336	78,32
6	Đất nâu vàng trên đá Bazan	Fu	5.079	3,61
7	Đất nâu tím trên Bazan	Ft	47	0,03
8	Đất vàng đỏ trên đá macma axit	Fa	4.765	3,38
9	Đất nâu vàng trên phù sa cổ	Fp	89	0,06
10	Đất vàng nhạt trên đá cát	Fq	871	0,62
11	Đất đỏ vàng trên đá sét và biến chất	Fs	8.234	5,84

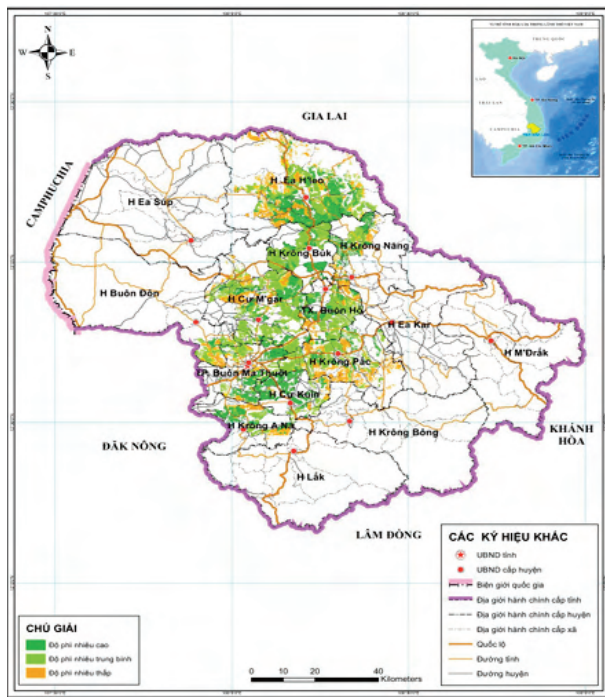
Bản đồ thổ nhưỡng cho loại hình sử dụng đất trồng cây cà phê vùng chỉ dẫn địa lý cà phê của tỉnh Đắk Lắk ở tỷ lệ 1/50.000

3.4. Nghiên cứu xây dựng dữ liệu thuộc tính và không gian về độ phì đất trồng cà phê vùng chỉ dẫn địa lý cà phê tỉnh Đắk Lắk

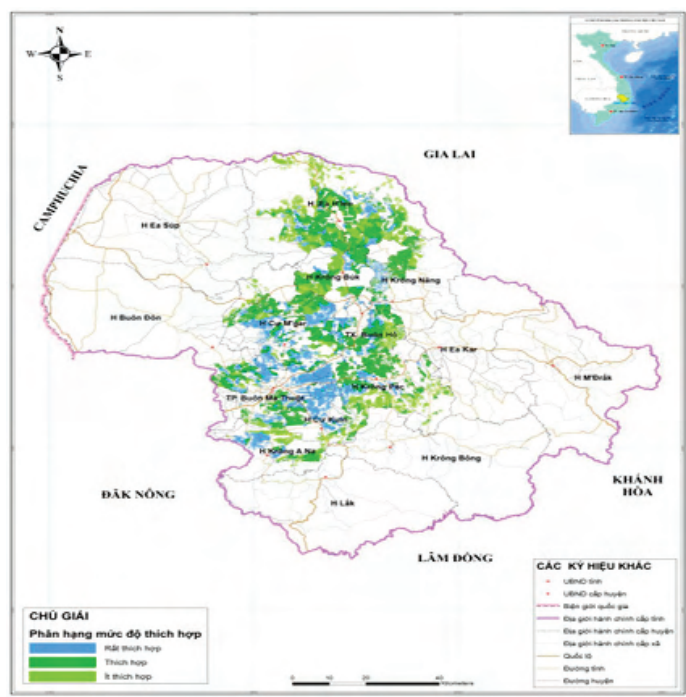
Căn cứ kết quả đánh giá các đặc tính độ phì vùng điều tra, tiến hành xây dựng lớp bản đồ độ phì, tương ứng cho từng công thức canh tác (canh tác theo đường đồng mức) là mức độ độ phì khác nhau làm cơ sở khoa học cho việc xác định mức độ thích hợp với các cây trồng chính. Phân cấp độ phì theo 3 mức: Diện tích đất có độ phì cao đạt 51.784 ha, chiếm 36,76% tổng diện tích điều tra, phân bố ở tất cả các huyện,

thành phố thuộc vùng chỉ dẫn địa lý cho sản phẩm cà phê của tỉnh Đắk Lắk. Diện tích đất có độ phì trung bình đạt 58.973 ha, chiếm 41,86% tổng diện tích điều tra, phân bố ở tất cả các huyện, thành phố thuộc vùng chỉ dẫn địa lý cho sản phẩm cà phê của tỉnh Đắk Lắk. Diện tích đất có độ phì thấp đạt 30.117 ha, chiếm 21,38% tổng diện tích xây dựng bản đồ độ phì.

Tổng hợp kết quả đánh giá mức độ phì nhiêu của các thửa đất trên Bản đồ độ phì nhiều của đất vùng chỉ dẫn địa lý cà phê tỉnh Đắk Lắk tỷ lệ 1:50.000.



Hình 4. Sơ đồ độ phì nhiều đất trồng cà phê vùng chỉ dẫn địa lý tỉnh Đắk Lắk



Hình 5. Bản đồ phân hạng thích hợp đất đai cho cây cà phê vùng chỉ dẫn địa lý tỉnh Đắk Lắk

3.5. Nghiên cứu xây dựng dữ liệu thuộc tính và không gian về thích hợp đất đai vùng chỉ dẫn địa lý cà phê tỉnh Đắk Lắk

Trên cơ sở so sánh điều kiện đất đai với yêu cầu sử dụng đất của cây cà phê đã xác định được mức độ thích hợp cho từng đơn

vị đất đai của cây cà phê vùng chỉ dẫn địa lý tỉnh Đắk Lắk. Kết quả đánh giá mức độ thích hợp như sau: Diện tích đất trồng cà phê vùng chỉ dẫn địa lý tỉnh Đắk Lắk có mức độ thích hợp S1 (cao) + S2 (trung bình) chiếm 79,54% diện tích trồng cà phê toàn vùng; mức độ thích hợp S1 (cao) là

45.582 ha, chiếm 32,36% tổng diện tích đánh giá; mức độ thích hợp S2 (trung bình) là 66.470; mức độ thích hợp S3 (kém) là 28.822 ha.

Từ kết quả đánh giá, xây dựng phân hạng thích hợp đất đai cây cà phê vùng chỉ dẫn địa lý tỉnh Đắk Lắk, thông qua các phần mềm chuyên dụng đã hoàn thành bản đồ phân hạng thích hợp đất đai cây cà phê toàn vùng ở tỷ lệ 1:50.000 và tại các huyện, thành phố thị xã tỷ lệ 1:25.000. Thông qua bản đồ, tất cả các đối tượng sẽ khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu một cách dễ dàng và hiệu quả.

3.6. Nghiên cứu xây dựng dữ liệu thuộc tính và không gian về lượng phân bón hợp lý cho cà phê các thời kỳ sinh trưởng vùng chỉ dẫn địa lý cà phê tỉnh Đắk Lắk

Vùng chỉ dẫn địa lý cà phê tỉnh Đắk Lắk với giống chủ đạo là cà phê vối (Robusta), vì vậy, lượng phân bón khuyến cáo chỉ tập trung nghiên cứu cho nhóm cà phê này. Căn cứ vào đặc điểm các loại đất canh tác, yêu cầu sử dụng đất của cây cà phê và đặc biệt căn cứ vào các mối quan hệ dinh dưỡng trong đất: Tương tác N, P, K với các nguyên tố khác, đề xuất các công thức và phương pháp bón phân cho cây cà phê bao gồm các mục tiêu: Tiết kiệm phân bón, giảm chi phí, nâng cao năng suất cây trồng, bảo vệ đất. Tùy theo điều kiện thời tiết từng vùng mà các đợt bón phân có thể vào các tháng khác nhau giữa các vùng, song các phần bón phân nhằm vào các thời điểm:

+ Đợt 1: Lần tưới thứ 2 (tháng 1 - 2) sử dụng phân bón tổng hợp NPK 22:5:8;

+ Đợt 2: Đầu mùa mưa (tháng 4 - 5) sử dụng phân bón tổng hợp NPK 16:16:8;

+ Đợt 3: Giữa mùa mưa (tháng 6 - 7) sử dụng phân bón tổng hợp NPK 17:17:9;

+ Đợt 4: Cuối mùa mưa (tháng 8 - 9) sử dụng phân bón tổng hợp NPK 20:5:6.

Bản đồ đề xuất lượng phân bón hợp lý cho cây cà phê các thời kỳ sinh trưởng vùng chỉ dẫn địa lý cà phê tỉnh Đắk Lắk được xây dựng và biên tập, quản lý bằng các phần mềm chuyên dụng như Mapinfo, Arcinfor, và Arcgis.

3.7. Nghiên cứu xây dựng dữ liệu thuộc tính và không gian về phân bố dịch hại phổ biến vùng chỉ dẫn địa lý cà phê tỉnh Đắk Lắk

Kết quả điều tra tại 77 xã trên địa bàn vùng chỉ dẫn địa lý cà phê tỉnh Đắk Lắk cho thấy: 4 loài sâu hại phổ biến trên cây cà phê là rệp sáp, rầy đen, rầy nâu và rầy xanh. Trong đó, rệp sáp gây hại nhiều nhất với tỉ lệ vườn nhiễm bệnh và tỉ lệ cây bị nhiễm bệnh lần lượt là 83,2% và 30,0%.

Kết quả điều tra tại 77 xã trên địa bàn vùng chỉ dẫn địa lý cà phê tỉnh Đắk Lắk cho thấy: Tỉ lệ vườn bị gỉ sắt và bệnh vàng lá thối rễ cao nhất, lần lượt là 69,06% và 61,82%, trong khi tỉ lệ cây bị bệnh này chỉ dao động lần lượt là 13,64% và 12,35%. Tương tự với khô cành, khô quả và nấm hồng có tỉ lệ vườn nhiễm bệnh gần 50% nhưng tỉ lệ cây bị bệnh nghiêm trọng quản lý bệnh hại nên tỉ lệ vườn bị bệnh cao nhưng tỉ lệ cây bị hại trên vườn ở mức < 10% (trừ bệnh thán thư).

Hiện trạng phân bố dịch hại phổ biến vùng chỉ dẫn địa lý cà phê tỉnh Đắk Lắk được thể hiện qua dữ liệu không gian trên địa bàn 77 xã (thể hiện vị trí trên bản đồ cấp xã tỷ lệ 1:10.000), 10 huyện thị, thành phố (thể hiện vị trí trên bản đồ cấp huyện, thị, thành phố tỷ lệ bản đồ 1:25.000) và toàn vùng chỉ dẫn địa lý tỉnh Đắk Lắk (thể hiện vị trí trên bản đồ cấp vùng tỷ lệ bản đồ 1:50.000).



3.8. Nghiên cứu xây dựng dữ liệu thuộc tính và không gian về khô hạn vùng chỉ dẫn địa lý cà phê tỉnh Đắk Lắk

Qua đánh giá cho thấy, mức độ hạn và diện tích bị hạn tại các xã/huyện thuộc vùng chỉ dẫn địa lý cà phê tỉnh Đắk Lắk là rất ít vì hiện nay dù lượng mưa trong các tháng mùa khô rất ít nhưng lượng nước ngầm vẫn đảm bảo để tưới cho cây cà phê. Tuy nhiên nguồn nước ngầm trên địa bàn tỉnh Tây Nguyên nói chung, tỉnh Đắk Lắk nói riêng hiện nay đang cạn kiệt.

Hiện trạng khô hạn vùng chỉ dẫn địa lý cà phê tỉnh Đắk Lắk được thể hiện qua dữ liệu không gian trên địa bàn 77 xã (thể hiện vị trí trên bản đồ cấp xã tỷ lệ 1/10.000), 10 huyện thị, thành phố (thể hiện vị trí trên bản đồ cấp huyện, thị, thành phố tỷ lệ bản đồ 1/25.000) và toàn vùng chỉ dẫn địa lý tỉnh Đắk Lắk (thể hiện vị trí trên bản đồ cấp vùng tỷ lệ bản đồ 1/50.000).

3.9. Nghiên cứu xây dựng dữ liệu thuộc tính và không gian về liên kết sản xuất tiêu thụ vùng chỉ dẫn địa lý cà phê tỉnh Đắk Lắk

Qua kết quả điều tra tại vùng chỉ dẫn địa lý cà phê cho thấy: Hiện nay có khoảng 41 Hợp tác xã có liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm với doanh nghiệp (tăng 29 Hợp tác xã so với năm 2018) với diện tích 25.084 ha được liên kết. Các HTX liên kết với doanh nghiệp tiêu thụ sản phẩm đầu ra chủ yếu là các sản phẩm nông nghiệp có ứng dụng công nghệ cao.

Hiện trạng liên kết sản xuất vùng chỉ dẫn địa lý cà phê tỉnh Đắk Lắk được thể hiện qua dữ liệu không gian trên địa bàn 77 xã (thể hiện vị trí trên bản đồ cấp xã tỷ lệ 1/10.000), 10 huyện thị, thành phố (thể hiện vị trí trên bản đồ cấp huyện, thị, thành phố tỷ lệ bản đồ 1/25.000) và toàn vùng chỉ dẫn địa lý tỉnh Đắk Lắk (thể hiện vị trí trên bản đồ cấp vùng tỷ lệ bản đồ 1/50.000).

V.A (t/h)

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

Đề tài “Nghiên cứu xây dựng cơ sở dữ liệu phục vụ quản lý và phát triển sản xuất cà phê bền vững vùng chỉ dẫn địa lý tỉnh Đắk Lắk”, Viện Quy hoạch và Thiết kế Nông nghiệp, 2025.

QUẢN LÝ, KHAI THÁC VÀ PHÁT TRIỂN CHỈ DẪN ĐỊA LÝ (CDĐL) CHO SẢN PHẨM CÀ PHÊ ĐẮK HÀ CỦA TỈNH KON TUM

Việt Nam là quốc gia trồng và xuất khẩu cà phê hàng đầu thế giới. Cây cà phê được trồng tại nhiều vùng miền trên cả nước, nhưng tập trung chủ yếu ở Tây Nguyên - nơi có khí hậu và thổ nhưỡng lý tưởng.

Đắk Hà là vùng trọng điểm sản xuất cà phê lớn nhất tỉnh Kon Tum. Nhiệm vụ “Quản lý, khai thác và phát triển chỉ dẫn địa lý (CDĐL) cho sản phẩm cà phê Đắk Hà của tỉnh Kon Tum”, được Bộ

trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ phê duyệt theo Quyết định số 885/QĐ-BKHCN ngày 31/5/2022, giao Trung tâm Phát triển nông thôn (thuộc Viện Chính sách và Chiến lược Phát triển nông thôn) là đơn vị chủ trì nhiệm vụ, phối hợp với Ủy ban nhân dân huyện Đắk Hà, Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Kon Tum triển khai các giải pháp nhằm xây dựng, hoàn thiện mô hình quản lý và sử dụng CDĐL cà phê Đắk Hà.

NHỮNG KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

Sau hơn 02 năm triển khai, được sự hỗ trợ, hướng dẫn chuyên môn của Cục Sở hữu trí tuệ, đơn vị chủ trì đã phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Kon Tum, UBND huyện Đắk Hà các cơ quan, đơn vị có liên quan để triển khai thực hiện nhiệm vụ đạt yêu cầu về số lượng và chất lượng đề ra.

Hệ thống các văn bản, công cụ quản lý đã được rà soát, bổ sung, ban hành và áp dụng đưa vào vận hành mô hình quản lý và sử dụng CDĐL cà phê Đắk Hà trên thực tế. Các hoạt động kiểm tra, kiểm soát đã được UBND huyện Đắk Hà thực hiện trên cơ sở phân công trách nhiệm, tổ chức các hoạt động đánh giá, kiểm soát quy trình sản xuất, thu hoạch, chế biến đảm bảo chất lượng sản phẩm mang CDĐL.

Hướng dẫn các tổ chức, cá nhân đăng ký sử dụng CDĐL, hoàn thành việc ghi nhận quyền sử dụng CDĐL cho 07 tổ chức,

cá nhân (gồm 02 doanh nghiệp, 03 hợp tác xã và 02 cơ sở chế biến). Nâng cao năng lực của các tác nhân ngành hàng cà phê tại địa phương được cải thiện, thiết lập và vận hành thành công mô hình quản lý, khai thác và phát triển CDĐL “Đắk Hà” cho sản phẩm cà phê theo chuỗi giá trị, đảm bảo chất lượng, nguồn gốc sản phẩm mang



Hoạt động thu hái cà phê tại Đắk Hà

CDDL của huyện Đắk Hà, tỉnh Kon Tum. Các phương tiện quảng bá sản phẩm mang CDDL đã được thiết kế, xây dựng một cách chuyên nghiệp, phục vụ hiệu quả cho các hoạt động truyền thông, nâng cao hình ảnh của CDDL cả phê Đắk Hà. Việc các doanh nghiệp, HTX, cơ sở sử dụng các công cụ, kết quả của nhiệm vụ là minh chứng cho sự phù hợp của các sản phẩm trên thực tế.

Phát huy vai trò của quản lý nhà nước về CDDL cả phê Đắk Hà (UBND huyện

Đắk Hà) trong việc triển khai các hoạt động quản lý, ghi nhận quyền và kiểm soát chất lượng đối với sản phẩm mang CDDL được bảo hộ. Khuyến khích được sự tham gia của doanh nghiệp, HTX, cơ sở sản xuất và người dân tham gia vào mô hình quản lý và phát triển chỉ dẫn địa lý. Mô hình đã được vận hành trên thực tế và bước đầu mang lại những hiệu quả tích cực trong việc quản lý chất lượng sản phẩm, truy xuất nguồn gốc và phát triển thương mại sản phẩm mang CDDL.

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ

1. Đánh giá chung về kết quả đạt được

- Mô hình quản lý và sử dụng chỉ dẫn địa lý được xây dựng và vận hành trên thực tế;
- Hệ thống bao bì, phương tiện phục vụ giới thiệu, quảng bá, phát triển thương mại của sản phẩm được thiết kế, thống nhất và các đơn vị sử dụng;
- Nhận thức Sở hữu trí tuệ, CDDL, kiến thức về thương hiệu của người sản xuất, thương mại và chính quyền địa phương từng bước được nâng cao;
- Mức độ tuân thủ quy trình thực hành sản xuất, chế biến, đảm bảo chất lượng sản phẩm cả phê mang CDDL được cải thiện rõ rệt.
- Hệ thống phương tiện nhận diện, quảng bá đã hoàn thành, làm cơ sở để các HTX, doanh nghiệp và cơ quan địa phương sử dụng để quảng bá sản phẩm, phát triển thị trường, người tiêu dùng cũng đã có cơ sở để tiếp cận, tìm hiểu về sản phẩm mang CDDL cả phê Đắk Hà.

2. Đánh giá hiệu quả nhiệm vụ về mặt khoa học

- Việc kế thừa các kết quả nghiên cứu về mô hình quản lý và phát triển CDDL

của Việt Nam và kinh nghiệm quốc tế đã góp phần quan trọng vào việc hoàn thiện thể chế, công cụ phục vụ quản lý và sử dụng CDDL.

- Thuyết minh hiện trạng sản xuất, kinh doanh của cơ sở trong hồ sơ đăng ký sử dụng chỉ dẫn địa lý là một giải pháp, công cụ quan trọng nhằm nâng cao trách nhiệm của doanh nghiệp, cơ sở trong quá trình đăng ký sử dụng. Mặt khác, giải pháp này cũng giúp cho quá trình thẩm định hồ sơ, kiểm soát của cơ quan quản lý được nhanh hơn, giảm chi phí thời gian và nguồn lực trong bối cảnh các nguồn lực cho hoạt động kiểm soát đang hạn chế.

- Mô hình quản lý và sử dụng được xây dựng phù hợp với điều kiện sản xuất, kinh doanh cả phê tại Đắk Hà. Phát huy tính chủ động của các cơ sở trong việc kiểm soát chất lượng, gắn kết với việc theo dõi các hệ thống chứng nhận xuất khẩu đang áp dụng tại cơ sở. Nhờ đó, việc vận hành thử nghiệm mô hình được các doanh nghiệp, HTX, cơ sở và người dân tiếp nhận tích cực và chuyển giao hiệu quả. Ý thức tuân thủ quy trình đảm bảo chất lượng sản

phẩm được nâng cao rõ rệt, sản phẩm được theo dõi về nguồn gốc, chất lượng từ sản xuất đến sơ chế, chế biến và thương mại sản phẩm.

- Vận dụng cơ chế hậu kiểm trong việc trao quyền sử dụng CDĐL cà phê Đắk Hà nhằm khuyến khích các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh cà phê trên địa bàn huyện Đắk Hà sử dụng, khai thác và nâng cao giá trị thương mại đối với CDĐL cà phê Đắk Hà được bảo hộ. Phát huy vai trò của UBND các xã, thị trấn trong việc quản lý vùng nguyên liệu, thực hành sản xuất, chế biến và kiểm tra, kiểm soát việc tuân thủ quy định liên quan đến quản lý và sử dụng CDĐL cà phê Đắk Hà.

- Các cơ sở chế biến cà phê thành phẩm tại Đắk Hà chủ yếu là các cơ sở nhỏ, chưa nhiều doanh nghiệp có thương hiệu mạnh trên thị trường. Nhờ vậy, việc tiếp cận hỗ trợ các HTX, cơ sở sản xuất, chế biến nhỏ đã phát huy hiệu quả. Quá trình hỗ trợ thiết lập quản lý nguồn gốc, thay đổi thiết kế bao bì, sử dụng dấu hiệu CDĐL (tên, logo) đã nhận được sự tham gia tích cực của các cơ sở khi được ghi nhận quyền sử dụng CDĐL. Đây là một yếu tố quan trọng để CDĐL cà phê Đắk Hà thuận lợi trong việc đưa ra thị trường. Điều này giúp địa phương, doanh nghiệp và người dân nhận diện đúng về vai trò của CDĐL, chủ động thiết lập giám sát quản lý chất lượng, từng bước đưa những kết quả của nhiệm vụ trong việc nâng cao uy tín, minh bạch thông tin chống sự lạm dụng về danh tiếng của sản phẩm trên thị trường.

- Chỉ dẫn địa lý khai thác được giá trị bảo hộ khi trở thành dấu hiệu thương mại: Dấu hiệu CDĐL Đắk Hà (bao gồm tên gọi và logo) cần được các tổ chức, cá nhân sử dụng trên bao bì sản phẩm, trở thành dấu



hiệu nhận diện của người tiêu dùng thì chỉ dẫn địa lý mới phát huy được giá trị. Việc lựa chọn, khuyến khích và quản lý tốt các chủ thể được ghi nhận quyền trong giai đoạn thử nghiệm dấu hiệu CDĐL trên thị trường có ý nghĩa quan trọng, bước khởi đầu tốt để thúc đẩy các doanh nghiệp, HTX, cơ sở... quản lý, sử dụng và khai thác chỉ dẫn địa lý Đắk Hà.

3. Đánh giá tác động đến sản xuất, thị trường sản phẩm cà phê Đắk Hà

Được sự quan tâm của chính quyền địa phương, trực tiếp là UBND huyện Đắk Hà, các kết quả của nhiệm vụ đã có tác động tích cực trong việc nâng cao chất lượng và thương mại sản phẩm cà phê mang CDĐL. Sau hơn 5 năm được bảo hộ CDĐL, với sự hỗ trợ của Bộ Khoa học và Công nghệ và nỗ lực của chính quyền địa phương, người sản xuất, kinh doanh cà phê tại Đắk Hà đã mang lại những hiệu ứng tích cực trong nhận thức, hành động và kết quả thực tế. Cụ thể như sau:

Ổn định vùng nguyên liệu: Cà phê Đắk Hà được quy hoạch vùng sản xuất gắn liền với khả năng tưới tiêu từ hệ thống sông ngòi, hồ đập và bố trí các công trình thủy

lợi. Sau khi được bảo hộ CDĐL, UBND huyện đã xác định quy hoạch sử dụng đất ổn định diện tích cà phê toàn huyện từ 12.000 - 12.500 ha tương ứng với khu vực địa lý được bảo hộ CDĐL, điều này đảm bảo tính bền vững trong sản xuất, kinh doanh cà phê tại địa phương. Thực tế cho thấy, mặc dù giá cà phê tăng cao trong những năm gần đây nhưng diện tích cà phê tại huyện Đắk Hà vẫn khá ổn định, mức độ tăng diện tích bình quân 5 năm (2020 - 2024) ở mức 1,16%/năm. Biến động diện tích qua các năm chủ yếu do quá trình tái canh, trồng cây hàng năm cải tạo đất trước khi trồng mới.

Tăng năng suất: Nhờ áp dụng các biện pháp khoa học kỹ thuật vào sản xuất, cộng với động lực từ giá cà phê nguyên liệu tăng cao, người dân quan tâm chăm sóc tốt cho cây cà phê. Mặc dù thời tiết bất lợi dẫn đến năng suất và sản lượng có biến động qua các năm, tính trung bình 5 năm (2020 - 2024), sản lượng cà phê của huyện Đắk Hà tăng bình quân 15,69%, bình quân năng suất cà phê nhân thóc đạt 3,12 tấn/ha.

Công tác quản lý chất lượng sản phẩm được triển khai: Công tác quản lý chất lượng được cơ quan lý CDĐL (UBND huyện Đắk Hà) triển khai quyết liệt nhằm đảm bảo chất lượng sản phẩm cà phê được bảo hộ. Đặc biệt là quản lý chặt chẽ việc thu hái cà phê, quán triệt chủ trương “*chín đến đâu hái đến đó*” và “*cà phê ra khỏi huyện phải là cà phê chế biến*” có nguồn gốc rõ ràng đã giúp nâng cao chất lượng sản phẩm cà phê Đắk Hà. Triển khai có hiệu quả Kế hoạch số 55/KH-UBND về thực hiện công tác lãnh đạo phát triển thương hiệu “Cà phê Đắk Hà” và Quyết định số 214/QĐ-UBND Quy chế quản lý và sử dụng chỉ dẫn địa lý “Đắk Hà” cho

sản phẩm cà phê của huyện Đắk Hà, tỉnh Kon Tum nhằm tăng cường công tác quản lý, giám sát thị trường trong việc thu mua và tiêu thụ sản phẩm cà phê, tạo điều kiện thuận lợi cho người kinh doanh theo đúng quy định của pháp luật.

Nâng cao nhận thức của người dân: Các hoạt động đào tạo, tập huấn, trực tiếp hướng dẫn quy trình sản xuất, tuân thủ các thực hành kỹ thuật bắt buộc đối với sản phẩm mang CDĐL đã giúp nâng cao nhận thức của người dân, doanh nghiệp, HTX và các cơ sở chế biến trong việc đảm bảo chất lượng đặc thù được bảo hộ. Người nông dân, doanh nghiệp, HTX đã từng bước áp dụng các giải pháp sản xuất hữu cơ, canh tác bền vững, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm cà phê tại Đắk Hà.

Cải thiện thu nhập cao cho người trồng cà phê: Năm 2024 theo báo cáo của UBND huyện Đắk Hà, người trồng cà phê trên địa bàn thu nhập bình quân từ 400 - 500 triệu đồng/ha, cao gấp nhiều lần so với những năm trước đây. Giá cà phê tươi bình quân 20.000 đồng/kg, có thời điểm lên tới 35.000 đồng/kg, giá cà phê nhân giao động quanh mức 100.000 đồng/kg, tăng gần gấp đôi so với năm 2022.

Phát triển kinh tế - xã hội địa phương: Tổng giá trị bình quân thương mại cà phê trên địa bàn huyện trong 3 năm (2022 - 2024) ước tính hơn 1.500 tỷ đồng/năm, chiếm gần 20% tổng giá trị sản xuất của huyện Đắk Hà. Theo nghiên cứu của Tạp chí kinh doanh Wall Street Journal, việc cải thiện chất lượng cà phê có ảnh hưởng lớn đến xu thế tăng giá cà phê toàn cầu, điều này mang lại lợi ích cho các nhà sản xuất. Tại Đắk Hà, với sự vào cuộc quyết liệt chính quyền địa phương, việc kiểm soát tốt chất lượng cà phê đầu ra với tinh

thần “chín đến đâu thu hoạch đến đó”, “cà phê ra khỏi địa bàn phải là cà phê chế biến” giúp nâng cao chất lượng cà phê, góp phần quan trọng trong việc khẳng định uy tín và giá trị cà phê Đắk Hà trên thị trường trong nước và xuất khẩu.

CDĐL cà phê Đắk Hà đã được khai thác trên thị trường: Chỉ dẫn địa lý khai thác được giá trị bảo hộ khi trở thành dấu hiệu thương mại. Với việc ghi nhận quyền sử dụng cho 07 cơ sở (2 doanh nghiệp, 3 hợp tác xã và 02 cơ sở chế biến) và hỗ trợ vận hành mô hình, thiết kế bao bì, in ấn thử nghiệm đã từng bước đưa CDĐL cà phê Đắk Hà ra thị trường. Việc lựa chọn, khuyến khích và quản lý tốt các chủ thể được ghi nhận quyền trong giai đoạn thử nghiệm dấu hiệu CDĐL trên thị trường có ý nghĩa quan trọng, bước khởi đầu tốt để thúc đẩy các doanh nghiệp, HTX, cơ sở... quản lý, sử dụng và khai thác CDĐL cà phê Đắk Hà.

Phát triển thị trường sản phẩm cà phê chế biến: Ngoài việc thúc đẩy liên kết với doanh nghiệp trong việc xây dựng vùng nguyên liệu phục vụ xuất khẩu, các doanh nghiệp, HTX, cơ sở đã đầu tư phát triển cà phê chế biến (chủ yếu là cà phê rang nguyên hạt, cà phê bột), từng bước có thương hiệu trên thị trường trong nước. Các đơn vị được ghi nhận quyền hầu hết là các đơn vị chế biến cà phê tại Đắk Hà tham

gia Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP - One Community One Product) với 11 sản phẩm đạt OCOP từ 3 sao trở lên, tiêu biểu là sản phẩm cà phê rang xay DAKMARK của Công ty TNHH MTV Nguyễn Huy Hùng đạt 5 sao, HTX Sáu Nhung đạt 4 sao cấp tỉnh. Sản phẩm cà phê hạt, cà phê bột nguyên chất của Hợp tác xã Nông nghiệp dịch vụ thể hệ mới Đắk Mar đạt 3 sao... đây là sự kết hợp mang lại hiệu quả rõ rệt trong việc mở rộng thị trường sản phẩm mang CDĐL cà phê Đắk Hà sau khi được bảo hộ. Ngoài ra, các hoạt động truyền thông, giới thiệu, quảng bá được triển khai đã giúp thị trường cà phê Đắk Hà ngày được mở rộng thông qua các kênh thương mại điện tử như Shopee, Lazada... và mạng xã hội.

Các hoạt động truyền thông, giới thiệu, quảng bá được triển khai trong nhiệm vụ đã giúp thúc đẩy dấu hiệu CDĐL cà phê Đắk Hà trên thị trường, khơi dậy tinh thần tự hào địa phương của các nhà sản xuất. Ngoài các hoạt động hỗ trợ, điểm tích cực nữa từ kết quả của nhiệm vụ là việc các cơ sở đã chủ động trong việc đưa dấu hiệu CDĐL cà phê Đắk Hà lên các phương tiện kinh doanh, giao dịch, nâng cấp cơ sở vật chất, phương tiện phục vụ cho hoạt động sản xuất, kinh doanh sau khi được ghi nhận quyền sử dụng CDĐL.

HNN (t/h)

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Quản lý, khai thác và phát triển chỉ dẫn địa lý (CDĐL) cho sản phẩm cà phê Đắk Hà của tỉnh Kon Tum (thuộc Chương trình phát triển tài sản trí tuệ đến năm 2030)/ Ths. Đặng Phúc Giang, Trung tâm Phát triển nông thôn, Viện Chiến lược Chính sách Nông nghiệp và Môi trường.

ĐĂNG KÝ BẢO HỘ, QUẢN LÝ VÀ PHÁT TRIỂN CHỈ DẪN ĐỊA LÝ CHO SẢN PHẨM CÀ PHÊ KHE SANH

Vùng trồng cà phê Khe Sanh thuộc huyện Hướng Hóa (cũ), tỉnh Quảng Trị là một trong những vùng sản xuất cà phê có lịch sử lâu đời và điều kiện sinh thái đặc thù tại khu vực Bắc Trung Bộ. Vùng trồng cà phê Khe Sanh nằm trên cao nguyên ở độ cao trung bình từ 450 - 680 mét so với mực nước biển, khí hậu mát mẻ, lượng mưa dồi dào, biên độ nhiệt ngày đêm lớn và độ ẩm ổn định. Đặc biệt, với loại đất đỏ vàng có tầng dày, giàu dinh dưỡng và khả năng giữ ẩm tốt tạo môi trường thuận lợi cho sinh trưởng cây cà phê. Đây là những yếu tố mang tính quyết định đến hương vị và chất lượng của sản phẩm cà phê vùng Khe Sanh, góp phần hình thành các đặc tính khác biệt so với nhiều vùng trồng cà phê khác trong cả nước.

Trải qua quá trình phát triển, vùng nguyên liệu cà phê Khe Sanh hiện có quy mô hơn 4.000 ha, tập trung chủ yếu tại các xã Khe Sanh, Hướng Phùng, Tân Lập và A Dơi. Trong đó, cà phê Arabica (*Cà phê chè*) chiếm tỷ lệ lớn, phù hợp với điều kiện khí hậu cao nguyên và cho chất lượng khác biệt, đặc thù. Chất lượng cà phê Khe Sanh thể hiện rõ qua các đặc tính cảm quan: hương thơm tự nhiên của hoa cỏ ngọt và gia vị, vị chua thanh đặc trưng, thể chất cân đối và hậu vị ngọt. Các đặc tính này được xác định là kết quả của sự kết hợp giữa điều kiện tự nhiên



đặc hữu và tập quán canh tác truyền thống của cộng đồng dân cư địa phương, chủ yếu là đồng bào Vân Kiều, Pa Cô. Đây chính là cơ sở quan trọng để xây dựng hồ sơ khoa học để đăng ký xác lập Chỉ dẫn địa lý “Cà phê Khe Sanh” của tỉnh Quảng Trị.

Do đó, nhiệm vụ KHCN “Đăng ký bảo hộ, quản lý và phát triển chỉ dẫn địa lý cho sản phẩm cà phê Khe Sanh của tỉnh Quảng Trị” được thực hiện bởi TS. Nguyễn Văn Hiền và các cộng sự của Viện Thổ nhưỡng Nông hóa là hoàn toàn phù hợp và có ý nghĩa trong giai đoạn hiện nay.

NHỮNG KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

1. Xây dựng và hoàn thiện hồ sơ đăng ký bảo hộ chỉ dẫn địa lý “Khe Sanh” cho sản phẩm cà phê của tỉnh Quảng Trị

Trên cơ sở các kết quả điều tra, nghiên cứu, phân tích chi tiết trong Báo cáo cơ sở khoa học và thực tiễn cho việc đăng ký chỉ dẫn địa lý “Khe Sanh” cho sản phẩm cà phê, tiến hành xây dựng Bản mô tả danh tiếng, tính chất, chất lượng đặc thù của sản phẩm cà phê Khe Sanh mang chỉ dẫn địa lý (CDDL). Bản mô tả được soạn thảo đáp ứng các yêu cầu theo hướng dẫn tại Nghị định số 65/2023/NĐ-CP.

Bản mô tả thể hiện được các nội dung sau:

- Chỉ dẫn địa lý: Khe Sanh
- Tên sản phẩm: Cà phê
- Dạng sản phẩm: Cà phê nhân, cà phê hạt rang, cà phê bột.
- Tính chất, chất lượng đặc thù của sản phẩm: Thể hiện những nét đặc thù chính của sản phẩm.
- Khu vực địa lý: bao gồm các xã, thị trấn Khe Sanh, Hướng Phùng, Tân Lập, A Dơi thuộc tỉnh Quảng Trị theo sắp xếp đơn vị hành chính mới kể từ ngày 01/7/2025 thể hiện cụ thể tại bản đồ khu vực địa lý đã được UBND tỉnh Quảng Trị xác nhận.
- Lịch sử và danh tiếng của sản phẩm cà phê khe sanh: thể hiện những danh tiếng chính.
- Đặc thù về điều kiện địa lý tạo nên tính chất/chất lượng đặc thù của sản phẩm cà phê Khe Sanh: thể hiện những nét chính về đặc thù điều kiện tự nhiên vùng trồng cà phê.
- Mối quan hệ giữa tính chất/chất lượng đặc thù của sản phẩm cà phê Khe Sanh với điều kiện địa lý.

- Thông tin về cơ chế tự kiểm tra tính chất/chất lượng đặc thù của sản phẩm cà phê Khe Sanh: Đã mô tả về cách thức tổ chức quản lý, quy định về kiểm soát.

Bản mô tả sau khi hoàn thiện được xác nhận của hai đơn vị: Cơ quan đăng ký CDDL là UBND xã Khe Sanh và Cơ quan tư vấn về chuyên môn là: Viện Thổ nhưỡng Nông hóa.

2. Xây dựng hệ thống nhận diện và các công cụ quảng bá, truyền thông, giới thiệu sản phẩm được bảo hộ chỉ dẫn địa lý

Để quảng bá và phát triển thị trường sản phẩm, đặc biệt là giữ gìn và phát triển thương hiệu cho sản phẩm cà phê Khe Sanh, hệ thống tem nhãn, bao bì và truyền thông của sản phẩm cà phê Khe Sanh đã được thiết kế, thống nhất về biểu tượng cho chỉ dẫn địa lý cà phê Khe Sanh. Để quảng bá cho sản phẩm cà phê Khe Sanh đã tiến hành xây dựng khẩu hiệu (slogan), thông qua nhiều góp ý, slogan cho sản phẩm cà phê Khe Sanh được lựa chọn là “cà phê Khe Sanh, hương vị đánh thức mọi giác quan”.



Hình 1 - Mẫu biểu tượng (logo) cà phê Khe Sanh



Hình 2 - Thu hái cà phê



Trong thời đại bùng nổ công nghệ thông tin và Internet, xây dựng thương hiệu trên mạng thông qua website là con đường nhanh nhất đưa thương hiệu đến với người dùng. Website cà phê Khe Sanh được thiết kế trên ý tưởng của hệ thống nhận diện thương hiệu gồm màu sắc, mẫu logo. Ý nghĩa chủ đạo của banner website giới thiệu về một sản phẩm được bảo hộ dưới hình thức CDBL và quyền quản lý của sản

phẩm này. Website cà phê Khe Sanh hiện đã hoạt động trên mạng internet tại địa chỉ <http://coffeeekhesanh.com.vn/>, đây là kênh thông tin quảng bá hiệu quả nhất và chính thống cho sản phẩm cà phê Sanh được bảo hộ chỉ dẫn địa lý đến với người tiêu dùng.

3. Chuẩn hóa Bộ cơ sở dữ liệu vùng trồng và xây dựng công cụ quản lý truy xuất nguồn gốc sản phẩm được bảo hộ chỉ dẫn địa lý

3.1. Chuẩn hóa cơ sở dữ liệu về vùng trồng, chế biến, tiêu thụ sản phẩm cà phê Khe Sanh được bảo hộ chỉ dẫn địa lý

Để đáp ứng được các mục tiêu của bộ cơ sở dữ liệu, tất cả các bản đồ, dữ liệu vùng trồng cà phê Khe Sanh cần được chuẩn hóa, đưa về cùng định dạng với chức năng cốt lõi là lưu trữ, truy xuất và cập nhật dữ liệu.

* Đối với dữ liệu không gian:

Các dữ liệu bản đồ đã được chuẩn hóa

về hệ quy chiếu và hệ tọa độ quốc gia VN-2000, ở tỷ lệ 1:10.000 bao gồm các bản đồ sau:

- Bản đồ hành chính: lớp tên xã, ranh giới;
- Bản đồ nền: lớp giao thông, thủy hệ, bình độ;
- Bản đồ khí hậu: Lớp lượng mưa, nhiệt độ, độ ẩm, bốc hơi, biên độ nhiệt;
- Bản đồ vùng trồng: lớp hiện trạng, lớp bảo hộ chỉ dẫn địa lý;
- Bản đồ địa hình: lớp độ cao, độ dốc;
- Bản đồ thổ nhưỡng: lớp loại đất, diện tích;
- Bản đồ chất lượng đất: lớp đơn vị đất đai, diện tích;
- Bản đồ môi trường đất: lớp ô nhiễm kim loại nặng.

* Đối với các dữ liệu phi không gian:

Các dữ liệu được biên tập thành các thông tin theo định dạng báo cáo phục vụ cho trang thông tin về cà phê Khe Sanh bao gồm:

- Quy trình sản xuất cà phê (canh tác, thu hoạch, chế biến sản phẩm...).
- Doanh nghiệp, HTX, hộ sản xuất và kinh doanh sản phẩm cà phê được ghi nhận quyền sử dụng CDĐL.

3.2. Xây dựng công cụ quản lý CSDL và truy xuất nguồn gốc sản phẩm cà phê Khe Sanh được bảo hộ CDĐL

Công cụ quản lý CSDL được tích hợp vào phần mềm truy xuất nguồn gốc phục vụ truy xuất nguồn gốc sản phẩm của các tổ chức/cá nhân được ghi nhận quyền sử dụng chỉ dẫn địa lý.

Phần mềm quản lý CSDL và truy xuất nguồn gốc sản phẩm cà phê Khe Sanh được xây dựng dưới dạng một phần mềm trực tuyến với đường link <http://id.cof-feekhesanh.com.vn>.

Phần mềm được xây dựng để quản lý cơ sở dữ liệu về các đối tượng sử dụng chỉ dẫn địa lý bao gồm quản lý hoạt động sản xuất (diện tích, giống, quy trình canh tác, phạm vi địa lý, khai thác sản phẩm...). Các thông tin đầu cuối cho truy xuất nguồn gốc sản phẩm là thông tin lô sản phẩm được thu hoạch (số lượng, ngày thu hoạch, đóng gói). Thông tin truy xuất nguồn gốc là ứng với mỗi lô sản phẩm khai thác sẽ sinh ra một mã QR (Quick Response code - Mã phản hồi nhanh) để truy xuất sản phẩm khi sản phẩm được dán tem truy xuất nguồn gốc lưu thông trên thị trường.

3.3. Thiết lập mô hình quản lý và phát triển sản phẩm cà phê Khe Sanh được bảo hộ chỉ dẫn địa lý theo chuỗi giá trị gắn với truy xuất nguồn gốc và quản lý chất lượng sản phẩm trên thực tế

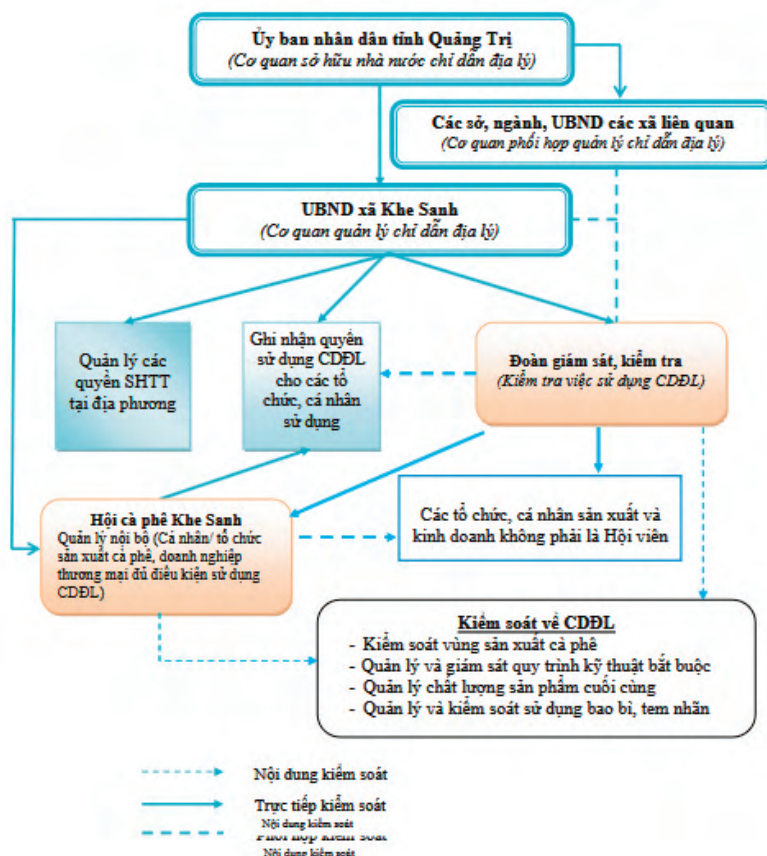
Trên cơ sở điều tra, khảo sát thực tế vùng sản xuất, chế biến, phân phối, tiêu thụ, mô hình tổ chức quản lý, sử dụng và khai thác CDĐL “Khe Sanh” cho sản phẩm cà phê Khe Sanh, tỉnh Quảng Trị đã được tiến hành thiết kế, hoàn chỉnh. Mô hình được xây dựng và chuyển giao cho địa phương trên các quan điểm, nguyên tắc sau:

- Hệ thống văn bản, chính sách, thể chế của địa phương được xây dựng phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và điều kiện thực tiễn của địa phương. Bộ máy tổ chức quản lý CDĐL phải gọn nhẹ, phù hợp với điều kiện sản xuất, chế biến và thương mại của sản phẩm cà phê.

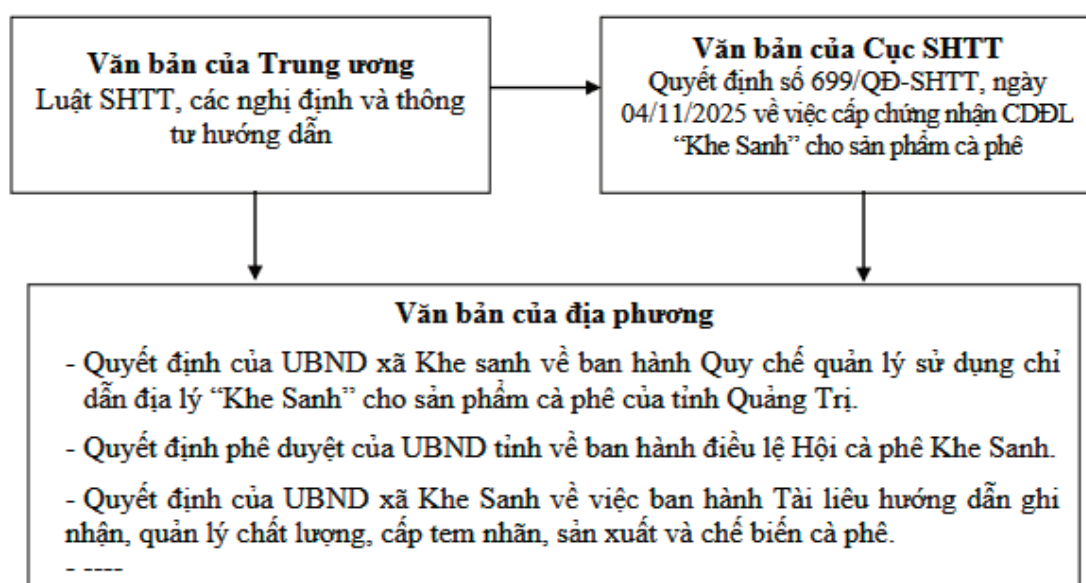
- Quy định về kiểm soát chất lượng sản phẩm mang CDĐL được xây dựng trên quan điểm trao quyền tối đa cho các tổ chức tập thể và các đơn vị sử dụng. Hệ thống quản lý, kiểm soát với chức năng kết hợp kiểm tra, giám sát nhằm giảm thiểu các chi phí vận hành bộ máy.

- Mô hình tổ chức quản lý, sử dụng CDDL cho sản phẩm cà phê được thiết kế theo nguyên tắc phân cấp quản lý, phân công trách nhiệm cụ thể và tạo điều kiện

thuận lợi nhất cho các tổ chức, cá nhân sản xuất, chế biến và kinh doanh sản phẩm cà phê sử dụng và khai thác giá trị CDDL một cách có hiệu quả nhất.



Sơ đồ 1. Mô hình quản lý CDDL "Khe Sanh"



Sơ đồ 2. Hệ thống các văn bản quản lý được đề xuất

3.4. Hướng dẫn vận hành mô hình quản lý, sử dụng CDĐL “Khe Sanh” cho sản phẩm cà phê của tỉnh Quảng Trị theo chuỗi giá trị gắn với truy xuất nguồn gốc và quản lý chất lượng sản phẩm

Việc triển khai mô hình các hoạt động kiểm soát nguồn gốc và chất lượng sản phẩm trong vùng CDĐL “Khe Sanh” đã đạt được nhiều kết quả quan trọng, tạo nền tảng nâng cao giá trị kinh tế, uy tín và sự minh bạch của sản phẩm cà phê Arabica trên thị trường. Nhìn chung, các biện pháp kỹ thuật và quản lý đã được tổ chức đồng bộ, góp phần cải thiện rõ rệt quy trình sản xuất, chế biến và thương mại hóa sản phẩm.

Trước hết, hệ thống kiểm soát nguồn gốc được xây dựng và vận hành đã giúp thiết lập được cơ chế theo dõi, truy vết các lô cà phê từ vùng trồng đến khâu chế biến và thương mại. Các mã QR trên bao bì sản phẩm đã được triển khai bước đầu tại 31 đơn vị/cá nhân là các doanh nghiệp, HTX và hộ sản xuất và kinh doanh cà phê được ghi nhận quyền sử dụng chỉ dẫn địa lý. Việc cập nhật nhật ký sản xuất, thông tin sơ chế, phơi sấy và phân loại đã góp phần đáng kể vào minh bạch hóa quy trình, hạn chế tình trạng trà trộn sản phẩm ngoài vùng, đồng thời giúp cơ quan quản lý dễ dàng giám sát, kiểm tra và xử lý vi phạm. Tổng thể, việc kiểm soát nguồn gốc và chất lượng đã đạt được những kết quả tích cực ban đầu trong mô hình thử nghiệm, tạo chuyển biến rõ rệt trong quản lý sản xuất và nâng cao giá trị sản phẩm cà phê Khe Sanh. Tuy còn nhiều điểm cần hoàn thiện, hệ thống kiểm soát bước đầu đã chứng minh vai trò quan trọng trong phát triển vùng CDĐL, là cơ sở để mở rộng áp dụng đồng bộ và hoàn thiện mô hình trong thời gian tới.

3.5. Hướng dẫn triển khai mô hình liên kết sản xuất, phát triển sản phẩm cà phê được bảo hộ CDĐL “Khe Sanh” theo chuỗi giá trị

Mô hình liên kết sản xuất phát triển sản phẩm cà phê Khe Sanh được vận hành trong 02 năm từ tháng 1/2024 - 11/2025, bao gồm liên kết giữa người dân, HTX với doanh nghiệp thu mua, chế biến và liên kết giữa doanh nghiệp thu mua, chế biến với doanh nghiệp tiêu thụ sản phẩm. Mô hình đạt hiệu quả cao hơn so với các kênh tiêu thụ sản phẩm thông thường với hiệu quả kinh tế tăng lên từ 15 - 25% ở mỗi tác nhân trong chuỗi.

3.6. Đánh giá kết quả xây dựng và chuyển giao mô hình quản lý, sử dụng và phát triển CDĐL “Khe Sanh” cho sản phẩm cà phê của tỉnh Quảng Trị theo chuỗi giá trị gắn với truy xuất nguồn gốc và quản lý chất lượng sản phẩm

Trong khuôn khổ Nhiệm vụ, mô hình Quản lý - sử dụng - phát triển CDĐL đã được thiết kế, đào tạo và chuyển giao cho địa phương nhằm đảm bảo quản lý hiệu quả tài sản trí tuệ, gắn sản phẩm với chuỗi giá trị và đáp ứng yêu cầu của thị trường về minh bạch chất lượng, truy xuất nguồn gốc, giúp cho địa phương có thể vận hành mô hình sau khi nhiệm vụ kết thúc.

Quá trình triển khai mô hình đạt nhiều kết quả tích cực, góp phần nâng cao năng lực quản lý của địa phương, cải thiện chất lượng sản phẩm, tăng tính liên kết chuỗi và hỗ trợ các chủ thể sản xuất - kinh doanh áp dụng tiêu chuẩn cao hơn trong chuỗi sản xuất cà phê Arabica Khe Sanh.

Đối với kết quả về ứng dụng hệ thống truy xuất nguồn gốc, nhiệm vụ đã triển khai hệ thống truy xuất nguồn gốc, bao gồm: Xây dựng mã QR gắn với từng lô sản phẩm



của HTX hoặc doanh nghiệp được ghi nhận quyền sử dụng chỉ dẫn địa lý. Thiết lập cơ sở dữ liệu vùng trồng, ghi nhận thông tin: Hộ sản xuất, diện tích, ngày thu hái, phương pháp sơ chế, tiêu chuẩn chất lượng. Các HTX được hướng dẫn cách: tạo mã lô hàng, quản lý nhật ký sản xuất, cập nhật thông tin lên hệ thống. 31 Doanh nghiệp/HTX hộ sản xuất kinh doanh đã áp dụng thử nghiệm truy xuất, bước đầu được người tiêu dùng đánh giá tích cực.

Hệ thống hoạt động tốt, minh bạch hóa sản xuất, tăng niềm tin thị trường. Tuy nhiên việc cập nhật thông tin cần được duy trì thường xuyên và mở rộng sang toàn bộ vùng nguyên liệu và các đơn vị khác.

Đối với kết quả về quản lý chất lượng sản phẩm theo chuỗi giá trị, mô hình CDĐL đã đưa ra bộ tiêu chí chất lượng áp dụng cho từng tác nhân: Hộ dân: Thu hái chín $\geq 95\%$, phơi sạch, độ ẩm $\leq 12\%$. HTX kiểm tra thống nhất chất lượng sản xuất của hộ dân. Doanh nghiệp chế biến

kiểm soát chất lượng đầu vào, rang xay theo quy chuẩn, gắn tem CDĐL.

Kết quả: Tỷ lệ lô hàng đạt tiêu chuẩn CDĐL tăng rõ rệt. Một số lô hàng đạt chất lượng cà phê đặc sản trong năm 2025 (Specialty Coffee từ 80 - 85 điểm SCA).

Sản phẩm rang xay mang nhãn CDĐL được thị trường đánh giá cao tại Đà Nẵng, Hà Nội.

Nhìn chung chuỗi giá trị từng bước được hình thành; tuy nhiên trong thời gian tới các đơn vị chế biến cần tăng cường thiết bị kiểm soát chất lượng, đặc biệt là độ ẩm vì vùng cà phê Khe Sanh trong thời gian thu hoạch là mùa mưa.

Mô hình đã cải thiện hiệu quả kinh tế cho toàn chuỗi, đặc biệt với HTX và doanh nghiệp rang xay.

Trong khuôn khổ nhiệm vụ, mô hình Quản lý - sử dụng - phát triển CDĐL đã được thiết kế, đào tạo và chuyển giao cho địa phương nhằm đảm bảo quản lý hiệu quả tài sản trí tuệ, gắn sản phẩm với chuỗi giá trị và đáp ứng yêu cầu của thị trường về minh bạch chất lượng, truy xuất nguồn gốc, giúp cho địa phương có thể vận hành mô hình sau khi nhiệm vụ kết thúc.

Quá trình triển khai mô hình đạt nhiều kết quả tích cực, góp phần nâng cao năng lực quản lý của địa phương, cải thiện chất lượng sản phẩm, tăng tính liên kết chuỗi và hỗ trợ các chủ thể sản xuất - kinh doanh áp dụng tiêu chuẩn cao hơn trong chuỗi sản xuất cà phê Arabica Khe Sanh.

L.A (t/h)

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

Báo cáo tổng hợp kết quả thực hiện Nhiệm vụ KHCN: Đăng ký bảo hộ, quản lý và phát triển chỉ dẫn địa lý cho sản phẩm cà phê Khe Sanh của tỉnh Quảng Trị/ TS. Nguyễn Văn Hiền (Chủ nhiệm nhiệm vụ). Viện Thổ nhưỡng Nông hóa, Tháng 12/2025.

QUẢN LÝ VÀ PHÁT TRIỂN CHỈ DẪN ĐỊA LÝ CHO MỘT SỐ SẢN PHẨM TRÁI CÂY ĐẶC SẢN (XOÀI CAO LÃNH, NHÃN LỒNG HƯNG YÊN)

Xoài Cao Lãnh và nhãn lồng Hưng Yên từ lâu đã trở thành thương hiệu quen thuộc và uy tín với người tiêu dùng trong và ngoài nước. nhằm bảo hộ và khai thác những lợi ích kinh tế do sản phẩm bản địa mang lại, Cục Sở hữu trí tuệ cấp văn bằng bảo hộ chỉ dẫn địa lý cho sản phẩm xoài mang chỉ dẫn địa lý “Cao Lãnh” vào năm 2019 và cấp Giấy chứng nhận đăng ký chỉ dẫn địa lý cho sản phẩm nhãn lồng Hưng Yên vào năm 2017. Đây là sự khẳng định đối với danh tiếng và chất lượng vùng

sản xuất xoài Cao Lãnh và nhãn lồng Hưng Yên, đồng thời là điều kiện thuận lợi để nâng cao lợi thế cạnh tranh của sản phẩm trên thị trường. Việc bảo hộ chỉ dẫn địa lý “Cao Lãnh” và “Hưng Yên” không chỉ gìn giữ và bảo vệ các loại tài sản truyền thống, đặc trưng của địa phương mà còn mang lại giá trị kinh tế rất lớn cho những người sản xuất, đồng thời bảo vệ quyền lợi cho người tiêu dùng khi chọn sản phẩm xoài và nhãn lồng mang chỉ dẫn địa lý được bảo hộ.

1. Xoài Cao Lãnh

1.1. Xây dựng, hoàn thiện hệ thống nhận diện và các công cụ quảng bá, truyền thông, giới thiệu sản phẩm được bảo hộ chỉ dẫn địa lý

Việc thiết lập hệ thống nhận diện giới thiệu sản phẩm xoài mang chỉ dẫn địa lý “Cao Lãnh” là cần thiết và đảm bảo được các yêu cầu cơ bản đối với một thương hiệu trên thị trường như: nhận diện nhanh và phân biệt tốt với các sản phẩm khác; thể hiện và truyền tải được những giá trị riêng có của sản phẩm xoài mang chỉ dẫn địa lý, phù hợp với ý tưởng định vị thương hiệu, dễ sử dụng trong các hoạt động truyền thông và thể hiện trong mô hình đa thương hiệu (khi gắn kết đồng thời giữa chỉ dẫn địa lý và thương hiệu của tổ chức,

doanh nghiệp kinh doanh sản phẩm xoài), có khả năng bảo hộ quốc tế và dễ hiểu đối với khách hàng nước ngoài... Hệ thống nhận diện sản phẩm xoài mang chỉ dẫn địa lý bao gồm các ấn phẩm văn phòng và ấn



phẩm truyền thông và được thiết kế đáp ứng các chuẩn mực và quy tắc của hệ thống nhận diện thương hiệu nhằm tạo ra được sự khác biệt về hình ảnh của chỉ dẫn địa lý “Cao Lãnh”, có sự ứng dụng của mẫu biểu tượng chỉ dẫn địa lý, đồng thời cũng tạo sự nhất quán của bao bì với các sản phẩm quảng bá khác.

Thiết kế hệ thống bao bì tem nhãn cho sản phẩm mang chỉ dẫn địa lý



Xây dựng website quản lý và giới thiệu chỉ dẫn địa lý với tên miền: <https://xoaicaolanhdongthap.vn/>. Website được đặt tên là “Xoài Cao Lãnh”, logo website là logo chỉ dẫn địa lý “Cao Lãnh” cho sản phẩm xoài. Đây sẽ là nền tảng chung để các chủ thể ghi nhận sử dụng chỉ dẫn địa lý cùng hoạt động và khai thác hiệu quả chỉ dẫn địa lý, bên cạnh thông tin về sản phẩm, website sẽ cung cấp đầy đủ, chính xác các thông tin địa chỉ, thông tin của các chủ thể ghi nhận quyền, hệ thống văn bản quản lý chỉ dẫn địa lý, hệ thống

nhận diện... để khách hàng có thể nắm rõ thông tin và lựa chọn sản phẩm.

1.2. Thiết lập mô hình quản lý và phát triển sản phẩm được bảo hộ chỉ dẫn địa lý theo chuỗi giá trị gắn với quản lý chất lượng, mã số vùng trồng và xuất khẩu

** Xác lập mã số vùng trồng phục vụ xuất khẩu sản phẩm được bảo hộ chỉ dẫn địa lý*

02 diện tích trồng xoài được hỗ trợ đăng ký mã số vùng trồng, cụ thể: vùng trồng tại xã Tân Thuận Đông, thành phố Cao Lãnh diện tích 15 ha, giống xoài Cát Chu Cao Lãnh; vùng trồng tại xã Mỹ Xương, huyện Cao Lãnh, diện tích 15 ha, giống xoài Cát Cao Lãnh.

** Xây dựng bản đồ định vị vùng trồng*

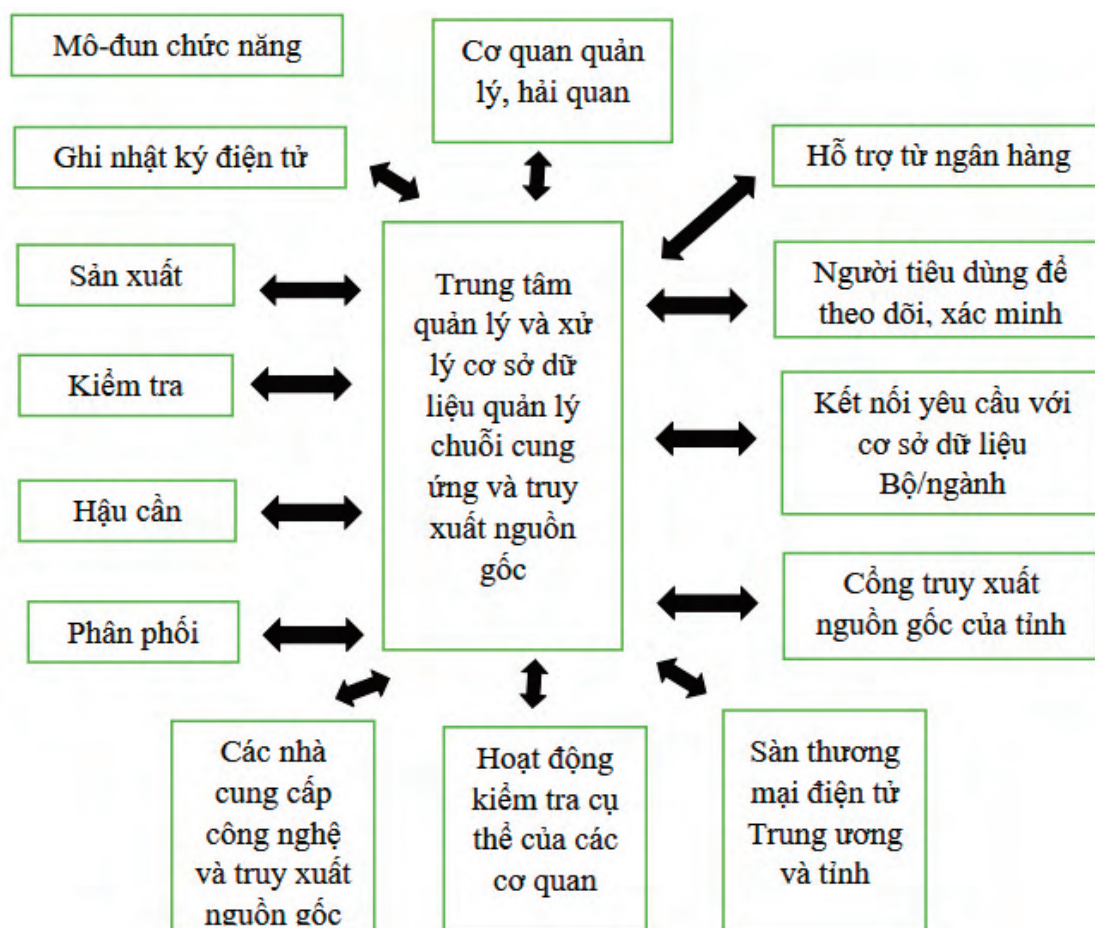
Bản đồ định vị vùng trồng đã được xây dựng đối với vùng trồng xoài đã được cấp mã số vùng trồng của Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp Tân Thuận Đông và Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp Tịnh Thới.

5 tổ chức, cá nhân có hoạt động sản xuất, kinh doanh sản phẩm xoài được hỗ trợ đăng ký, duy trì mã số mã vạch nhằm phục vụ công tác khai thác hệ thống mã số mã vạch, truy xuất nguồn gốc sản phẩm. Các mã số, mã vạch được đăng ký đúng quy trình, được Tổng cục Tiêu chuẩn - Đo lường - Chất lượng cấp Giấy chứng nhận và được in ấn lên bao bì, tem, nhãn của sản phẩm xoài - sau khi được tổ chức quản lý ghi nhận sử dụng chỉ dẫn địa lý “Cao Lãnh”.

Thông tin liên quan về về sản phẩm của từng chủ thể đã được thu thập để hoàn chỉnh nội dung sản phẩm và thiết kế mã QR. Tem truy xuất sản phẩm xoài mang mã số vùng trồng là loại tem truy xuất được kiểm soát, thông tin truy xuất trên tem đúng với mã số vùng trồng và mã số

cơ sở đóng gói. Tem truy xuất được quản lý theo số serial. Việc sử dụng mã QR truy xuất nguồn gốc sản phẩm xoài sẽ giúp bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho người tiêu dùng. Theo đó, bằng việc quét mã QR trên

điện thoại thông minh hoặc máy đọc mã vạch, người tiêu dùng sẽ biết được nguồn gốc, đồng thời thấy được các giấy tờ chứng nhận liên quan đến sản phẩm xoài được đăng ký chỉ dẫn địa lý “Cao Lãnh”.



Sơ đồ 1. Vận hành chuỗi truy xuất nguồn gốc

1.3. Thiết lập và vận hành mô hình sản xuất, quản lý và phát triển sản phẩm được bảo hộ chỉ dẫn địa lý theo chuỗi giá trị gắn với mã số vùng trồng và xuất khẩu

** Xây dựng mô hình sản xuất, quản lý và phát triển sản phẩm được bảo hộ chỉ dẫn địa lý theo chuỗi giá trị gắn với mã số vùng trồng và xuất khẩu*

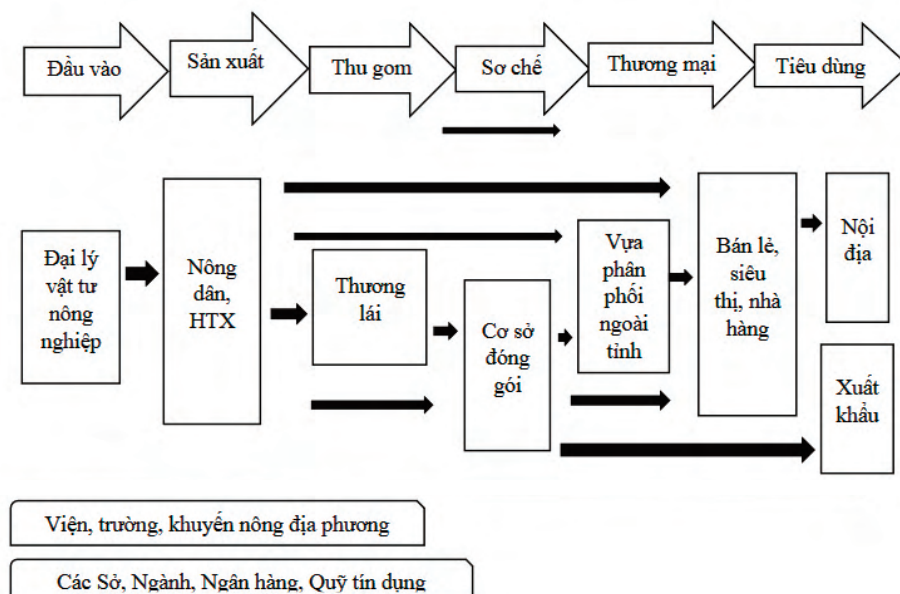
Mô hình sản xuất, quản lý và phát triển chỉ dẫn địa lý sản phẩm xoài được đăng ký chỉ dẫn địa lý “Cao Lãnh” theo chuỗi

giá trị gắn với mã số vùng trồng và xuất khẩu được vận hành thử nghiệm, theo dõi - đánh giá và hiệu chỉnh để đảm bảo tính khả thi và hiệu quả. Các hoạt động đã tiến hành bao gồm: (1) Phân tích, đánh giá hiện trạng sản xuất, kinh doanh sản phẩm xoài mang chỉ dẫn địa lý “Cao Lãnh”; (2) Nâng cao năng lực của Hội ngành hàng Xoài Đồng Tháp để tham gia quản lý, kiểm soát sản phẩm xoài mang chỉ dẫn địa lý “Cao Lãnh”; (3) Ghi nhận sử dụng chỉ dẫn địa lý “Cao Lãnh” cho các chủ thể;

(4) Kết nối các tổ chức thực hiện sơ chế, chế biến, đóng gói và xuất khẩu sản phẩm xoài tham gia chuỗi liên kết; (5) Lựa chọn

thị trường nhập khẩu; (6) Thiết lập 02 tài khoản trên sàn thương mại điện tử; (7) Vận hành mô hình.

Chuỗi giá trị sản phẩm xoài mang chỉ dẫn địa lý “Cao Lãnh” của tỉnh Đồng Tháp:



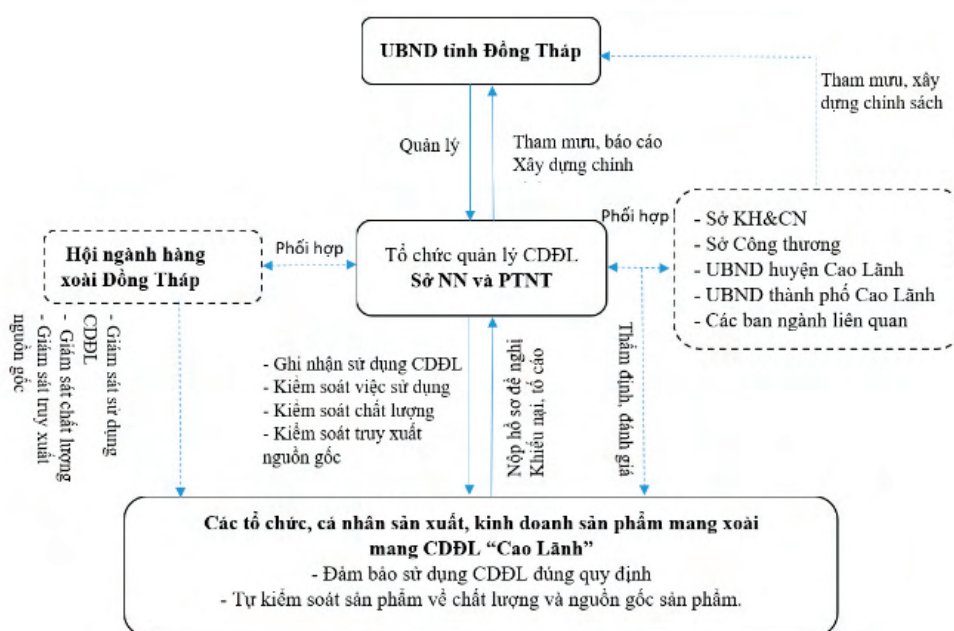
Sơ đồ 2. Chuỗi giá trị xoài tỉnh Đồng Tháp

Ngành hàng xoài tỉnh Đồng Tháp chú trọng tổ chức sản xuất với 4 khâu bao gồm: Nâng cao chất lượng hoạt động của các HTX chuyên canh, các chủ trang trại, nông trại, nhà vườn, các doanh nghiệp thu mua, chế biến và xuất khẩu; Tập trung xây dựng mã vùng trồng, mã số cơ sở chế biến, đóng gói đạt chuẩn quy định gắn liền với ban hành quy trình sản xuất theo tiêu chuẩn GAP (Good Agriculture Practice - Thực hành nông nghiệp tốt) và bộ tiêu chí về tiêu chuẩn sạch, an toàn với cây xoài, theo tiêu chuẩn hợp đồng của khách hàng, thị trường xuất nhập khẩu; Chấn chỉnh, công khai, minh bạch hóa chuỗi cung ứng vật tư đầu vào của sản xuất như: giống, phân bón, vật tư bao quả, hóa chất được phép sử dụng; Đẩy mạnh việc khai thác tài sản trí tuệ đối với chỉ dẫn địa lý “Cao Lãnh” ở cả 3 cấp: Tổ chức tập thể (Hội, HTX, hội

quán, tổ hợp tác...), doanh nghiệp và hộ gia đình; các chương trình xúc tiến thương mại, tìm kiếm, mở rộng thị trường xuất khẩu sản phẩm xoài sang thị trường trong và ngoài nước, song vẫn chú trọng thị trường Trung Quốc, với việc lựa chọn phân khúc tầm trung để xuất khẩu chính ngạch.

*** Xây dựng bộ máy và mô hình quản lý, sử dụng chỉ dẫn địa lý “Cao Lãnh”**





Sơ đồ 3. Mô hình quản lý, sử dụng chỉ dẫn địa lý "Cao Lãnh"

Trong mô hình được xây dựng, Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Tháp là tổ chức quản lý chỉ dẫn địa lý đã được cấp Giấy chứng nhận.

Có thể thấy, chỉ dẫn địa lý "Cao Lãnh" cho sản phẩm xoài của tỉnh Đồng Tháp được

bảo hộ là cơ hội thuận lợi, phát huy lợi thế cạnh tranh để làm tăng giá trị kinh tế cho người dân tại địa phương, góp phần ổn định cơ cấu kinh tế của tỉnh và các huyện/thành phố, tạo nên vùng kinh tế bền vững và chuỗi giá trị hiệu quả có giá trị kinh tế cao.

2. Nhãn lồng Hưng Yên

2.1. Xây dựng, hoàn thiện hệ thống nhận diện và các công cụ quảng bá, truyền thông, giới thiệu sản phẩm được bảo hộ chỉ dẫn địa lý

*** Xây dựng hệ thống nhận diện giới thiệu sản phẩm mang chỉ dẫn địa lý**

Hệ thống nhận diện chỉ dẫn địa lý "Hưng Yên" sẽ giúp khách hàng dễ dàng nhận biết và phân biệt được sản phẩm nhãn lồng mang chỉ dẫn địa lý với các sản phẩm khác trên thị trường đồng thời giúp tổ chức quản lý có thể quản lý và giám sát toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh, phát triển sản phẩm nhãn lồng trên diện rộng và chiều sâu. Hệ thống bao gồm các



công cụ nhận diện có tính ứng dụng thực tế của chỉ dẫn địa lý đối với các công cụ phục vụ đời sống hàng ngày.

Thiết kế hệ thống bao bì, tem, nhãn trên cơ sở thống nhất với hệ thống nhận diện thương hiệu.

*** Xây dựng website quản lý và giới thiệu chỉ dẫn địa lý**

Ứng dụng website trong công tác quảng bá, tiêu thụ sản phẩm nhãn lồng đã giúp kết nối cung - cầu được thuận lợi hơn; về lâu dài, đây được đánh giá là giải pháp phù hợp để kết nối cung - cầu và là tiền đề cho các giải pháp bền vững tiêu thụ sản phẩm nhãn lồng, giúp giảm sự phụ thuộc vào kênh tiêu thụ truyền thống. Website được xây dựng với tên miền: <https://nhanlonghungyen.vn/>.

2.2. Xây dựng bộ cơ sở dữ liệu vùng trồng và công cụ quản lý truy xuất nguồn gốc sản phẩm được bảo hộ chỉ dẫn địa lý

*** Chuẩn hóa dữ liệu vùng trồng gắn sản phẩm đã được bảo hộ chỉ dẫn địa lý được kiểm soát và truy xuất nguồn gốc**

Vùng trồng OTAS (Origin tracing global number - mã số toàn cầu truy xuất nguồn gốc) là chương trình quản lý mã số vùng trồng bằng hệ thống tiêu chuẩn liên kết chuỗi khối OTAS Việt Nam, phục vụ thị trường quốc tế. Mỗi mã số vùng trồng gồm các thông tin cụ thể: điểm kiểm soát, tên vùng trồng, địa chỉ vùng trồng, tọa độ bản đồ Google. Quy trình thực hiện chuẩn hóa dữ liệu vùng trồng tại www.otasglobal.com như sau:

- Khảo sát đánh giá vùng trồng nhằm thu thập dữ liệu và cơ sở dữ liệu để số hóa các thông tin của vùng trồng (xác định tọa độ vùng trồng, tình hình dịch hại; việc tuân thủ các quy định ATTP (An toàn thực phẩm) của Nhà nước; kiểm tra sơ bộ việc sử dụng thuốc bảo vệ thực vật, phân bón, các tiêu chuẩn VietGAP). Phân tích, kiểm tra, đánh giá mức độ đáp ứng các yêu cầu về vùng trồng sản phẩm Nhãn lồng mang chỉ dẫn địa lý “Hưng Yên” theo quy định - phục vụ công tác số hóa.



- Kiểm tra hoạt động giám sát của hợp tác xã và cơ quan quản lý tại địa phương tại vùng trồng (giám sát dịch hại, sử dụng thuốc bảo vệ thực vật, giám sát thực hành nông nghiệp tốt tại các hộ/cơ sở trong vùng trồng). Kiểm tra hoạt động của các cơ sở sản xuất, sơ chế; Kiểm tra, giám định sinh vật hại trong danh mục cấm, dư lượng thuốc BVTV, thuốc kháng sinh.

- Chuẩn hóa dữ liệu các vùng trồng: cập nhật dữ liệu của các hộ nông dân/cơ sở trong 2 vùng đã được cấp mã số vùng trồng được chuẩn hóa đưa lên hệ thống/tiêu chuẩn OTAS trang website (www.otasglobal.com) và được tích hợp bằng mã QR in trên giấy chứng nhận mã số vùng trồng. Thiết lập và vận hành hệ thống bảo mật an ninh, an toàn. Thực hiện sao lưu dữ liệu hệ thống định kỳ và khôi phục khẩn cấp trong các trường hợp bất thường.

Toàn bộ thông tin của vùng trồng và các thông tin công khai của vùng trồng được cập nhật trên phần mềm OTAS, quản lý theo phương pháp cấp thẻ vùng trồng cho người dân tham gia hoạt động sản xuất tại vùng trồng.

2.3. Xây dựng và triển khai các công cụ truy xuất nguồn gốc sản phẩm được bảo hộ chỉ dẫn địa lý

*** Đăng ký mã số mã vạch và mã QR để truy xuất nguồn gốc cho sản phẩm đã được bảo hộ chỉ dẫn địa lý**

Việc sử dụng công nghệ truy xuất nguồn gốc sản phẩm nhãn lồng mang chỉ dẫn địa lý “Hưng Yên” thông qua mã QR sẽ giúp nhà sản xuất dễ dàng tìm kiếm, xử lý các lô hàng hàng giả mạo và giúp cho việc kiểm soát sản phẩm nhãn lồng ở thị trường diễn ra minh bạch, rõ ràng. Từ đó giúp người tiêu dùng được tiếp cận một hệ thống cung cấp thông tin minh bạch, đầy đủ nhất, truy xuất nguồn gốc về sản phẩm nhãn lồng từ khâu sản xuất, nguyên liệu, đóng gói và vận chuyển phân phối. Sử dụng ứng dụng tạo mã QR phù hợp có sự tích hợp của mẫu biểu tượng chỉ dẫn địa lý “Hưng Yên” cho sản phẩm nhãn lồng để tạo ra một mã QR hoàn chỉnh. Nguyên tắc xây dựng nội dung mã QR là dựa trên việc sản xuất và kinh doanh các sản phẩm mà từng tổ chức mà tiến hành xây dựng nội dung cho mã.

*** Đăng ký cấp mã cơ sở đóng gói sản phẩm được bảo hộ chỉ dẫn địa lý phục vụ xuất khẩu**

Cơ sở đóng gói là khu vực tập trung, phân loại, sơ chế, bảo quản, và đóng gói sản phẩm nhãn lồng được bố trí theo nguyên tắc một chiều và có quy trình phù hợp với quy định pháp luật về đóng gói của Việt Nam và tuân thủ các yêu cầu của nước nhập khẩu về quản lý sinh vật gây hại, đảm bảo an toàn thực phẩm. Mã số cơ sở đóng gói là mã số được cấp cho một cơ sở đóng gói có áp dụng các biện pháp kiểm soát quá trình đóng gói sản phẩm nhãn lồng, sinh vật gây hại, đảm bảo truy xuất nguồn gốc và các điều kiện kỹ thuật theo yêu cầu của nước nhập khẩu.

2.4. Thiết lập và vận hành mô hình quản lý và phát triển sản phẩm được bảo hộ chỉ dẫn địa lý theo chuỗi giá trị gắn với mã số vùng trồng và xuất khẩu

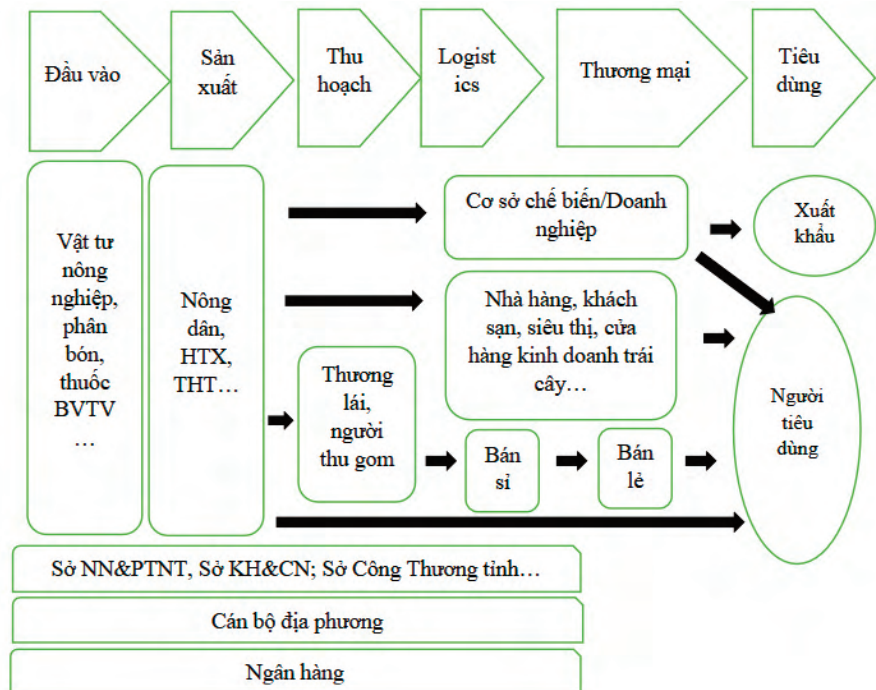
Trong bối cảnh cạnh tranh khốc liệt ở thị trường toàn cầu hiện nay, để cạnh tranh thành công trên thị trường xuất khẩu đòi hỏi các tổ chức kinh doanh phải xây dựng phương án, kế hoạch thực hiện mô hình xuất khẩu phù hợp với tình hình thực tế. Mô hình quản lý và phát triển chỉ dẫn địa lý “Hưng Yên” cho sản phẩm nhãn lồng theo chuỗi giá trị gắn với mã số vùng trồng và xuất khẩu được vận hành thử nghiệm, theo dõi - đánh giá và hiệu chỉnh để đảm bảo tính khả thi và hiệu quả.

Các hoạt động đã tiến hành bao gồm: (1) Phân tích, đánh giá hiện trạng sản xuất kinh doanh sản phẩm nhãn lồng mang chỉ dẫn địa lý “Hưng Yên”; (2) Nâng cao năng lực và vai trò của Hội Nhãn lồng tỉnh Hưng Yên để tham gia quản lý, kiểm soát sản phẩm nhãn lồng mang chỉ dẫn địa lý “Hưng Yên”; (3) Cấp quyền sử dụng chỉ dẫn địa lý “Hưng Yên” cho các chủ thể; (4) Kết nối các tổ chức thực hiện sơ chế, chế biến, đóng gói và xuất khẩu sản phẩm nhãn lồng tham gia chuỗi liên kết; (5) Lựa chọn thị trường nhập khẩu; (6) Thiết lập 02 tài khoản trên sàn thương mại điện tử; (7) Vận hành mô hình.

Trong bối cảnh thị trường biến động liên tục, nguồn cung sản phẩm không ổn định, giá bán có xu hướng giảm, các hộ gia đình/tổ hợp tác/trang trại/hợp tác xã... sản xuất sản phẩm nhãn lồng mang chỉ dẫn địa lý “Hưng Yên” không có khả năng tiếp cận nhiều kênh tiêu thụ và thị trường; việc quản lý và phát triển sản phẩm chỉ có thể thực hiện thông qua thị trường bằng cách liên kết các tác nhân với

nhau theo chuỗi giá trị. Liên kết giữa sản xuất với chế biến và tiêu thụ sản phẩm nhãn lồng là những hoạt động kinh tế tự

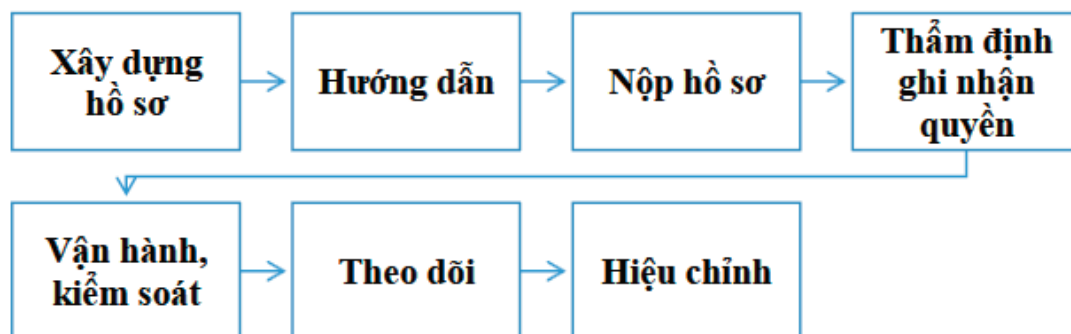
nguyện, cùng có lợi nhưng ràng buộc chặt chẽ với nhau theo một thỏa thuận giữa các tác nhân trong chuỗi.



Sơ đồ 4. Chuỗi giá trị sản phẩm nhãn lồng trên địa bàn tỉnh Hưng Yên

Chuỗi giá trị sản phẩm nhãn lồng trên địa bàn tỉnh Hưng Yên hình thành dựa trên sự gắn kết giữa các nhóm tác nhân có chức năng sản xuất trực tiếp bao gồm người trồng, người thu gom, người bán lẻ. Ngoài ra, còn có sự hiện diện của các tác nhân có chức năng hỗ trợ, cung cấp các hàng hóa đầu vào, dịch vụ khoa học công nghệ, thông tin thị trường và tổ chức sản xuất.

Sơ đồ chuỗi giá trị sản phẩm nhãn lồng tỉnh Hưng Yên góp phần phản ánh bức tranh tổng thể và toàn diện của ngành hàng từ khâu đầu vào, sản xuất, chế biến, thương mại và cuối cùng là phân phối đến người tiêu dùng cuối cùng. Trong mỗi khâu của chuỗi, các tác nhân trong chuỗi đã góp phần bổ sung giá trị gia tăng cho thành phẩm cuối cùng.



Sơ đồ 5. Mô hình quản lý và phát triển chỉ dẫn địa lý “Hưng Yên”



Nhìn chung, quản lý và phát triển chỉ dẫn địa lý “Hưng Yên” cho sản phẩm nhãn lồng gắn với kiểm soát chất lượng, mã số vùng trồng phục vụ xuất khẩu sẽ góp phần hoàn thiện mô hình, công cụ quản lý, phát triển và khai thác có hiệu quả chỉ dẫn địa lý “Hưng Yên” cho sản phẩm nhãn lồng ở cả thị trường trong và ngoài nước; đảm bảo

chất lượng được kiểm soát, nâng cao sức cạnh tranh và uy tín của sản phẩm đồng thời góp phần tạo cơ sở vững chắc, an tâm cho người tiêu dùng khi sử dụng, từ đó nâng cao giá trị kinh tế cho sản phẩm và hình ảnh cho địa phương.

T.P (t/h)

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Quản lý và phát triển chỉ dẫn địa lý “Cao Lãnh” cho sản phẩm xoài của tỉnh Đồng Tháp gắn với kiểm soát chất lượng, mã số vùng trồng phục vụ xuất khẩu (thuộc Chương trình phát triển tài sản trí tuệ đến năm 2030)/ Nguyễn Mạnh Tuấn, Công ty TNHH Phát triển tài sản trí tuệ Việt, Cục Sở hữu trí tuệ - Bộ Khoa học và Công nghệ. Nhiệm vụ cấp Quốc gia.

2. Quản lý và phát triển chỉ dẫn địa lý “Hưng Yên” cho sản phẩm nhãn lồng của tỉnh Hưng Yên gắn với kiểm soát chất lượng, mã số vùng trồng phục vụ xuất khẩu (thuộc Chương trình phát triển tài sản trí tuệ đến năm 2030)/ Ths. Lê Kinh Hải, Công ty TNHH Phát triển tài sản trí tuệ Việt, Cục Sở hữu trí tuệ - Bộ Khoa học và Công nghệ. Nhiệm vụ cấp Quốc gia.

LỜI KẾT

Trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế, chỉ dẫn địa lý đã trở thành công cụ hữu hiệu để bảo hộ các sản phẩm đặc thù địa phương, thúc đẩy tổ chức sản xuất, quản lý chất lượng và mở rộng thương mại, bảo đảm phát triển thị trường bền vững. Thiết lập và cấp mã số vùng trồng góp phần nâng cao uy tín, gia tăng giá trị của nông sản trên thị trường trong nước và xuất khẩu; đồng thời, góp phần định hướng thực hành sản xuất chuyên nghiệp hơn, sản xuất theo tiêu chuẩn và thị hiếu của thị trường.

Công tác quản lý, bảo hộ và phát triển chỉ dẫn địa lý cho nông sản Việt Nam đã và đang được các ngành chức năng và các địa phương quan tâm triển khai. Đã có những thay đổi rõ ràng về nhận thức, sự quan tâm, đầu tư của địa phương về nguồn lực đối với phát triển chỉ dẫn địa lý thông qua số lượng sản phẩm được bảo hộ ngày càng tăng nhanh. Sự thay đổi còn được thể hiện ở xu hướng cơ cấu sản phẩm đăng ký chỉ

dẫn địa lý đã đa dạng hơn về chủng loại, tỷ lệ các sản phẩm chế biến tăng dần.

Để xây dựng, quản lý và phát triển các sản phẩm nông sản được công nhận bảo hộ chỉ dẫn địa lý, ngành chức năng và các địa phương cần hoàn thiện hệ thống quản lý và kiểm soát chất lượng qua việc triển khai truy xuất nguồn gốc bằng mã số vùng trồng, mã QR để minh bạch hóa nguồn gốc và chất lượng sản phẩm trong toàn bộ chuỗi giá trị; thúc đẩy liên kết chuỗi giá trị bằng cách hỗ trợ các mô hình sản xuất - chế biến - tiêu thụ chặt chẽ; nâng cao năng lực cho người sản xuất thông qua việc hỗ trợ vốn và chuyển giao kỹ thuật về giống, phương pháp canh tác hữu cơ và khuyến khích áp dụng các tiêu chuẩn quốc tế như GAP (Good Agricultural Practice – Thực hành nông nghiệp tốt) và EUDR (European Union Deforestation-free Regulation - Quy định của Liên minh Châu Âu về các sản phẩm không gây phá rừng) để sẵn sàng xuất khẩu.



